

## LỜI MỞ ĐẦU

Nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường là một cơ hội tốt để các doanh nghiệp cạnh tranh phát triển tạo cho nền kinh tế sự đa dạng về hình thức kinh doanh, mặt hàng kinh doanh. Mặt khác, sự phát triển của nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải có những đánh giá cụ thể hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất nhưng chi phí bỏ ra là thấp nhất. Do đó, các doanh nghiệp trong nước luôn phải cố gắng tìm mọi biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thời Dự, em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán cũng như tầm quan trọng của nó, đặc biệt là tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Do đó em quyết định chọn đề tài: "Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thời Dự" cho bài khóa luận của mình.

Nội dung khóa luận của em gồm 3 chương chính sau:

***Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

***Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thời Dự.***

***Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thời Dự.***

Trong quá trình thực tập tại công ty đã giúp em có điều kiện tiếp cận thực tế, vận dụng được kiến thức đã học để hiểu thêm được tình hình thực tiễn công tác kế toán trong công ty. Đặc biệt em muốn bày tỏ lòng biết ơn đối với Cô giáo - Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo và Ban lãnh đạo, cùng các cán bộ trong công ty

TNHH Thời Dự đã tận tình giúp đỡ em trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Do thời gian và kiến thức của bản thân còn hạn chế nhất định nên bài khoá luận khó tránh khỏi những khiếm khuyết về nội dung và hình thức trình bày. Em rất mong nhận được sự bổ sung, góp ý của các thầy cô, của cán bộ kế toán văn phòng Công ty TNHH Thời Dự cũng như của các bạn để bài khoá luận này được hoàn thiện hơn nữa.

*Hải Phòng, ngày tháng 06 năm 2011.*

Sinh viên

Lê Thị Hương

## CHƯƠNG I

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC

#### KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ

#### KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

##### 1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- ❖ Đối với doanh nghiệp.
  - Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
  - Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
  - Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
  - Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.
- ❖ Đối với các nhà cung cấp.
  - Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.
- ❖ Đối với các nhà đầu tư.
  - Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính. Các nhà đầu tư sẽ phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.
- ❖ Đối với nhà nước.
  - Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm

bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó, nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh – xã hội tốt nhất.

- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

❖ Đối với các tổ chức tài chính trung gian.

- Các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

### ***1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp***

Có thể nói việc tổ chức tốt quy trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Vì vậy doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch để thực hiện tốt khâu bán hàng đảm bảo cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tăng vòng quay vốn từ đó có thể tích lũy để tái tạo sản xuất và tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh.

#### ***1.1.2.1. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu***

- Ghi chép, phản ánh, theo dõi kịp thời, chính xác công tác mua hàng, bán hàng về mặt số lượng, kết cấu, chủng loại, quy cách, kiểu cỡ, giá cả của các loại sản phẩm, hàng hoá.

- Tổ chức ghi chép chính xác, kịp thời, đầy đủ và giám đốc chặt chẽ các khoản doanh thu và khoản giảm trừ doanh thu.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.

- Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, các loại thuế, phí và lệ phí các sản phẩm, hàng hoá bán ra.

#### 1.1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán chi phí

- Xác định kịp thời, chính xác giá thực tế của hàng đã mua, giá vốn của hàng bán ra và phân bổ chi phí thu mua cho từng hàng đã tiêu thụ.

- Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tập hợp đầy đủ, chính xác và phân bổ các khoản chi phí một cách hợp lý.

#### 1.1.2.3. Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Thực hiện bút toán kết chuyển đúng quy định cho các loại chi phí hợp lý.

- Tham mưu các giải pháp để thúc đẩy bán hàng, thu tiền hàng, tăng nhanh vòng quay vốn, cung cấp cho lãnh đạo nhanh chóng, thường xuyên, nhạy bén các thông tin mua hàng, thanh toán tiền hàng, giá cả, lượng hàng tồn kho để lãnh đạo nghiên cứu, có căn cứ cho những quyết định chỉ đạo điều hành hoạt động mua bán và kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cung cấp các thông tin mua, bán hàng cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

### 1.1.3. Các khái niệm cơ bản

#### 1.1.3.1. Doanh thu

❖ **Khái niệm Doanh thu** : là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ **Doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm** :

✓ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Điều kiện ghi nhận doanh thu:**

+ *Doanh thu bán hàng:*

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

+ *Doanh thu cung cấp dịch vụ:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập B01 ( bảng cân đối kế toán).
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- ✓ Doanh thu hoạt động tài chính: là giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được từ hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- ✓ Thu nhập khác: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

❖ **Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp**

- ✓ Phương thức bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho ) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.
- ✓ Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa chỉ ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

✓ Phương thức bán hàng qua đại lý: là phương thức mà bên chủ hàng ( gọi là bên giao đại lý ) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý ) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

✓ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định.

✓ Phương thức hàng đổi hàng: là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hoá không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hoá trên thị trường.

✓ Phương thức tiêu thụ nội bộ: là việc mua, bán sản phẩm, hàng hoá dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp...

#### 1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu:** là số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính vào doanh thu hoạt động kinh doanh.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:**

✓ **Chiết khấu thương mại**

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

✓ **Giảm giá hàng bán**

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua cho toàn bộ hay một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc bị lạc hậu thị hiếu.

✓ **Hàng bán bị trả lại**

Hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách... Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

Ngoài ra các khoản giảm trừ doanh thu còn bao gồm:

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

+ Thuế xuất khẩu: là sắc thuế đánh vào trị giá hàng hóa giữa các quốc gia.

+ Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

#### *1.1.2.3. Một số khái niệm về chi phí.*

##### **❖ Khái niệm Chi phí:**

Chi phí là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch...nhằm mua được các hàng hóa, dịch vụ cần thiết cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

##### **❖ Chi phí bao gồm các khoản chi phí sau :**

##### **✓ Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã được tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất thực tế hay chi phí sản xuất thực tế. Với vật tư, hàng hóa, giá vốn hàng bán là thực tế giá gốc ghi sổ.

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp thương mại, giá vốn hàng bán là giá mua hàng hóa cộng chi phí thu mua hàng hóa.



Muốn xác định đúng đắn kết quả bán hàng trước hết cần xác định đúng đắn trị giá vốn hàng bán. Việc tính trị giá vốn hàng bán phụ thuộc vào đơn giá của hàng hoá trong các thời kỳ khác nhau. Nếu hàng hoá mua với giá ổn định từ kỳ này sang kỳ khác thì việc tính giá hàng bán rất đơn giản. Nhưng nếu hàng hoá giống nhau được mua vào với giá khác nhau thì việc xác định giá vốn hàng bán là rất quan trọng.

Tùy theo đặc điểm kinh doanh, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp sau để tính giá vốn cho hàng xuất bán, xuất dùng.

**- Phương pháp bình quân gia quyền:**

$$\text{Trị giá vốn hàng xuất kho} = \text{Lượng hàng xuất kho} \times \text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền}$$

Giá vốn bình quân gia quyền có thể được tính bằng một trong hai cách sau đây:

+ Tính theo giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ nghĩa là chỉ đến cuối kỳ kế toán tính giá đơn vị bình quân một lần theo từng công thức sau:

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+ Tính giá vốn đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập ( bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } j = \frac{\text{Trị giá hàng tồn dòng kế trên xuất}}{\text{Lượng hàng tồn dòng kế trên xuất}}$$

Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, kế toán chỉ được tính giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập kế trước ngày xuất. Giữa các lần xuất trong tháng không có lần nhập xen kẽ thì đơn giá xuất không thay đổi.

Mỗi chủng loại hàng khác nhau thì phải tính giá cho từng mặt hàng tương ứng.

Tồn đầu kỳ coi như lần nhập đầu tiên trong tháng.

- **Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO):** kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.

- **Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO):** kế toán giả định hàng nhập sau sẽ xuất trước, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước.

- **Phương pháp giá đích danh:** Giá của hàng tồn kho sẽ giữ nguyên từ khi nhập cho đến lúc xuất ra. Xuất loại nào, lấy loại đó.

✓ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: gồm các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản hàng hóa, vận chuyển hàng hóa đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương đã tính vào chi phí bán hàng theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu, bao bì: nhằm phục vụ cho việc đóng gói, bảo quản hàng hóa để vận chuyển đi tiêu thụ.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho hoạt động bán hàng hóa như các dụng cụ đo lường, bàn ghế, máy tính, ...

- Chi phí khấu hao TSCĐ: dùng cho các bộ phận bảo quản hàng hóa, bộ phận bán hàng như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, ...

- Chi phí bằng tiền khác: chi phí giới thiệu hàng, chi phí chào hàng, quảng cáo, chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, ...

✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là những khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào như quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm:

- Chi phí quản lý nhân viên: gồm tiền lương và các khoản phụ cấp, ăn ca, phải trả cho ban giám đốc, nhân viên ở các phòng ban, các khoản trích theo lương đó được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp theo tỷ lệ quy định.
  - Chi phí vật liệu quản lý.
  - Chi phí đồ dùng văn phòng.
  - Chi phí khấu hao TSCĐ: nhà văn phòng làm việc của doanh nghiệp, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, thiết bị văn phòng.
  - Thuế, phí, lệ phí: thuế môn bài, thuế nhà đất và các khoản phí, lệ phí khác.
  - Chi phí dự phòng: gồm dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng phải thu khó đòi.
  - Chi phí dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài: tiền điện, nước, điện thoại, fax, thuê nhà làm văn phòng, thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ khối văn phòng...
  - Chi phí bằng tiền khác: là số tiền đã chi ra để phục vụ cho việc điều hành, quản lý chung của doanh nghiệp như chi tiếp khách, hội nghị, chi phí kiểm toán, công tác phí, ...
- ✓ **Chi phí tài chính:** là toàn bộ các khoản chi phí và khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- ✓ **Chi phí khác:** là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.
- ✓ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

#### 1.1.2.4. Một số khái niệm về xác định kết quả kinh doanh

- ❖ **Khái niệm:** Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả cuối cùng từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.
- ❖ **Kết quả kinh doanh bao gồm:** Kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

- Lợi nhuận của doanh nghiệp bao gồm:

+ Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán.

+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng hay lãi ròng ) là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

## **1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.**

### **1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng**

#### *1.2.1.1. Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### *1.2.1.2. Tài khoản sử dụng*

##### **➤ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

*Kết cấu tài khoản 511:*

✓ *Bên Nợ:*

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Các khoản ghi giảm doanh thu bán hàng (521,531,532 ).

- Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

✓ *Bên Có:*

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

*Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.*

*Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - có 5 tài khoản cấp 2 như sau:*

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán các sản phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

➤ **Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ"**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

*Kết cấu Tài khoản 512:*

✓ *Bên Nợ:*

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

✓ *Bên Có:*

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

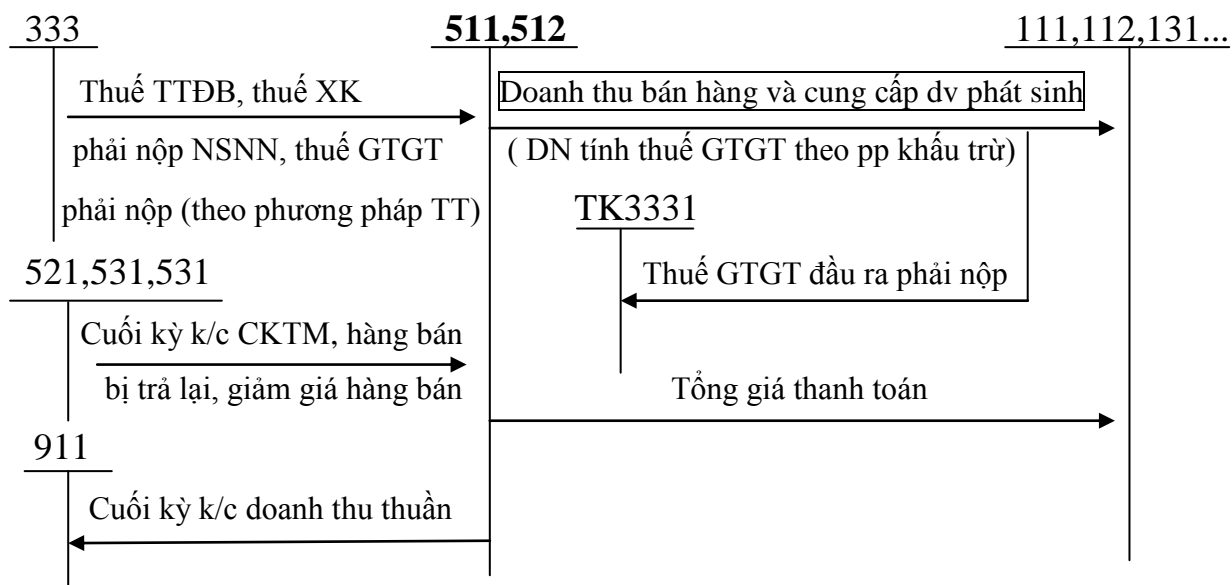
*Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 512 có ba tài khoản cấp hai:*

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

### 1.2.1.3. Quy trình hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng được khái quát qua sơ đồ 1.1

**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ.**



**1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán**

**1.2.2.1. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Hợp đồng kinh tế.
- Các chứng từ khác có liên quan.

**1.2.2.2 Tài khoản sử dụng**

➤ **Tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán"**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

*Kết cấu tài khoản 632:*

✓ **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, đã bán trong kỳ.

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình thực sự xây dựng, tự chế hoàn thành.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước).

✓ *Bên Có:*

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã lập năm trước).

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

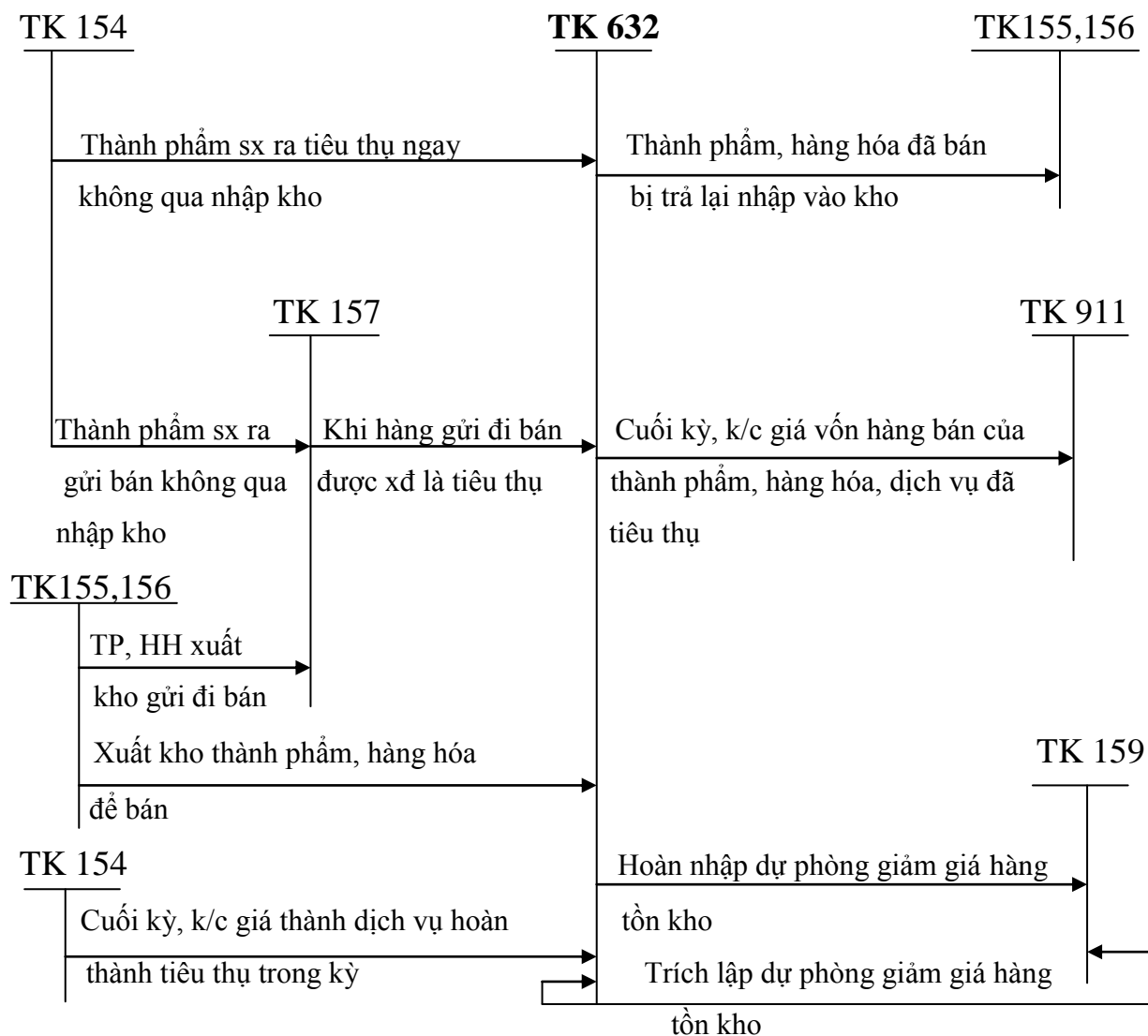
*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*

### 1.2.2.3. Quy trình hạch toán

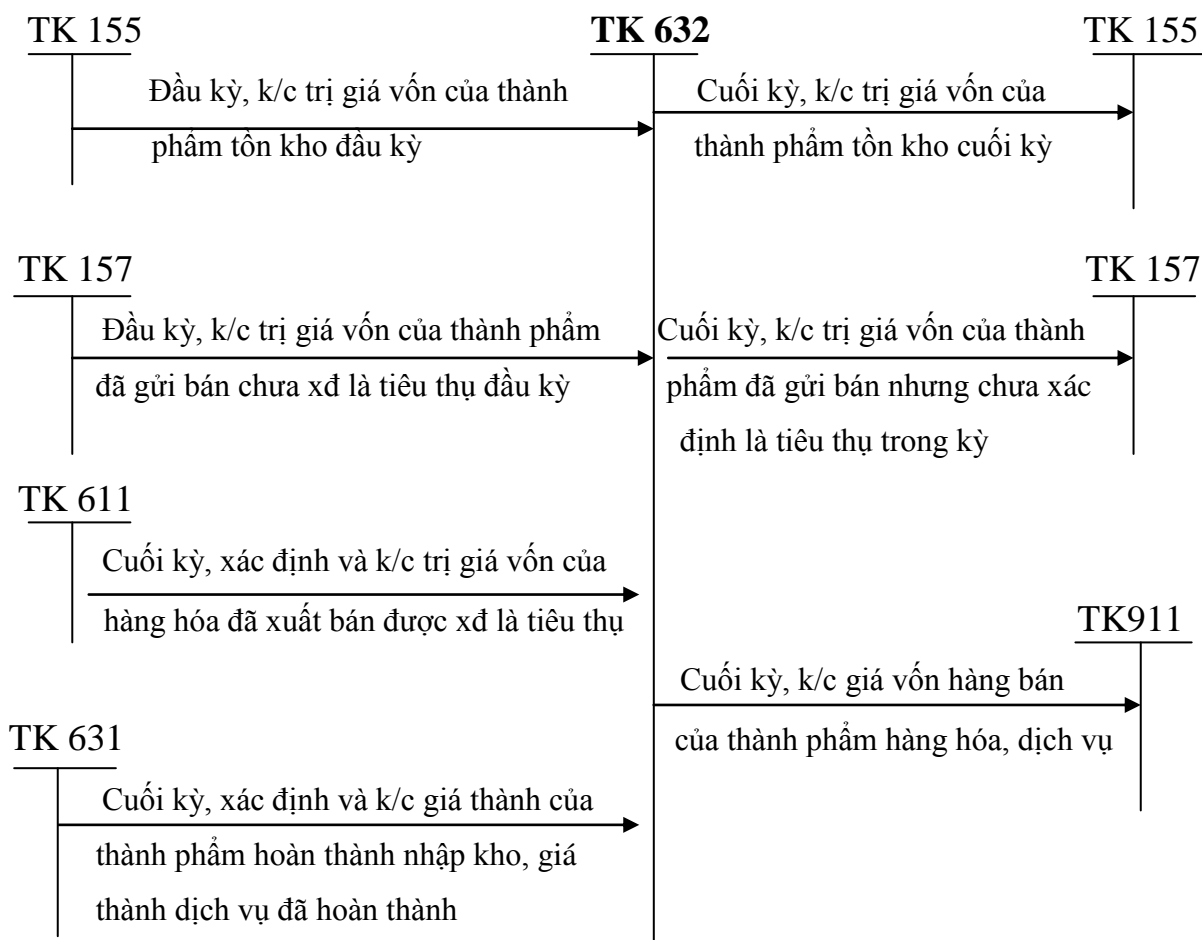
Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát qua sơ đồ :



**Sơ đồ 1.2: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.**



**Sơ đồ 1.3: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**



**1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**1.2.3.1. Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng...

**1.2.3.2. Tài khoản sử dụng**

- TK 641: chi phí bán hàng
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ **Tài khoản 641 "Chi phí bán hàng"**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

*Kết cấu tài khoản 641:*

✓ *Bên Nợ:*

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

✓ *Bên Có:*

Kết chuyển Chi phí bán hàng sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

*Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:*

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Các chi phí khác bằng tiền

➤ **Tài khoản 642 "Chi phí quản lý doanh nghiệp":**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý doanh nghiệp.

*Kết cấu tài khoản 642:*

✓ *Bên Nợ:*

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả ( Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

✓ *Bên Có:*

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả ( Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

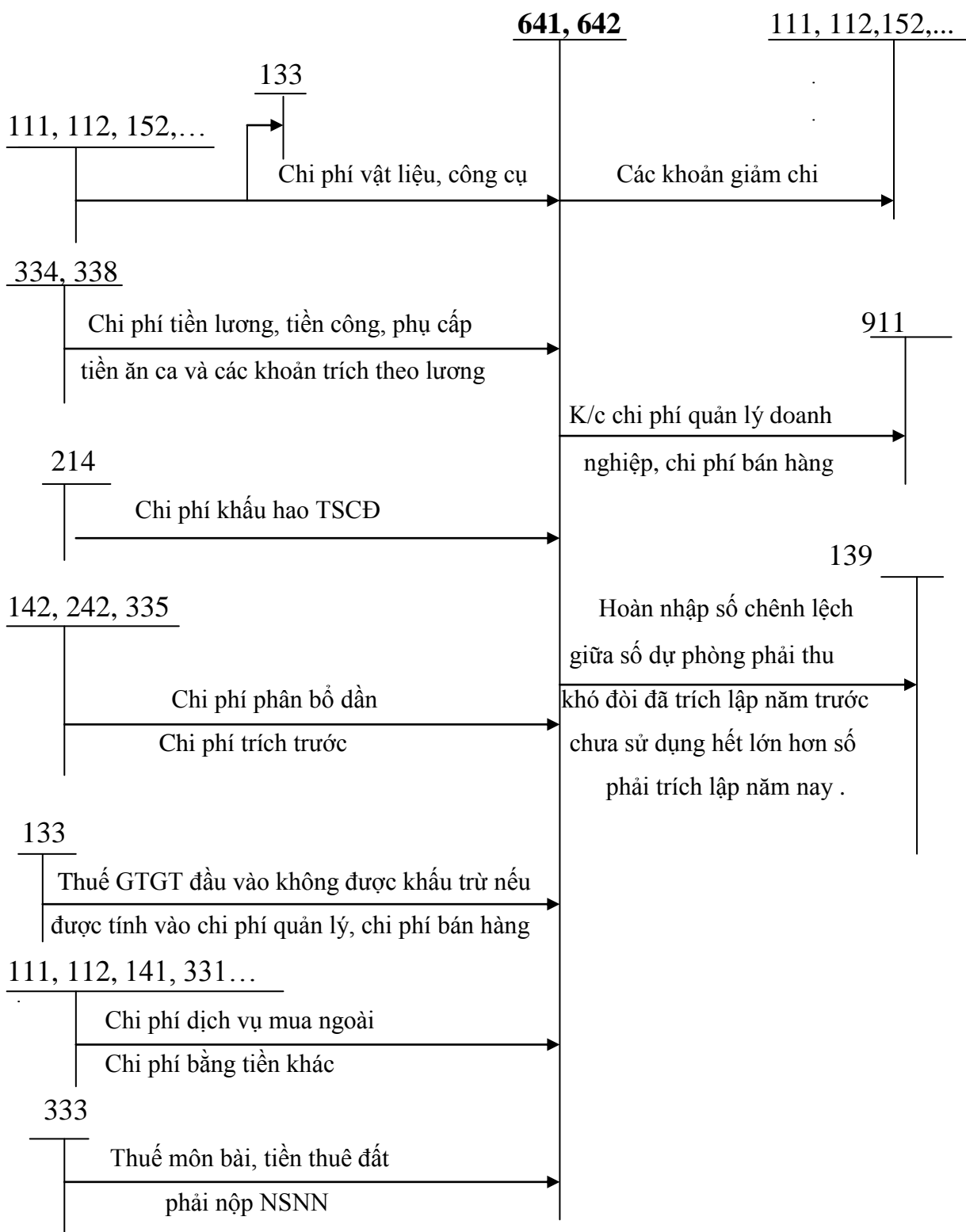
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

*Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:*

- Tk 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Tk 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền.

#### *1.2.3.3. Quy trình hạch toán*

**Sơ đồ 1.4: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng**



### 1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

#### 1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

#### 1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

##### ➤ **Tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

*Kết cấu tài khoản 515:*

##### ✓ *Bên Nợ:*

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

##### ✓ *Bên Có:*

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ khi bán ngoại tệ.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết...
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu hoạt động tài chính.

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

*Tài khoản 515 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ.*

➤ **Tài khoản 635 "Chi phí tài chính"**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết... dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản phát sinh khi bán ngoại tệ...

*Kết cấu TK 635:*

✓ *Bên Nợ:*

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện).
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

✓ *Bên Có:*

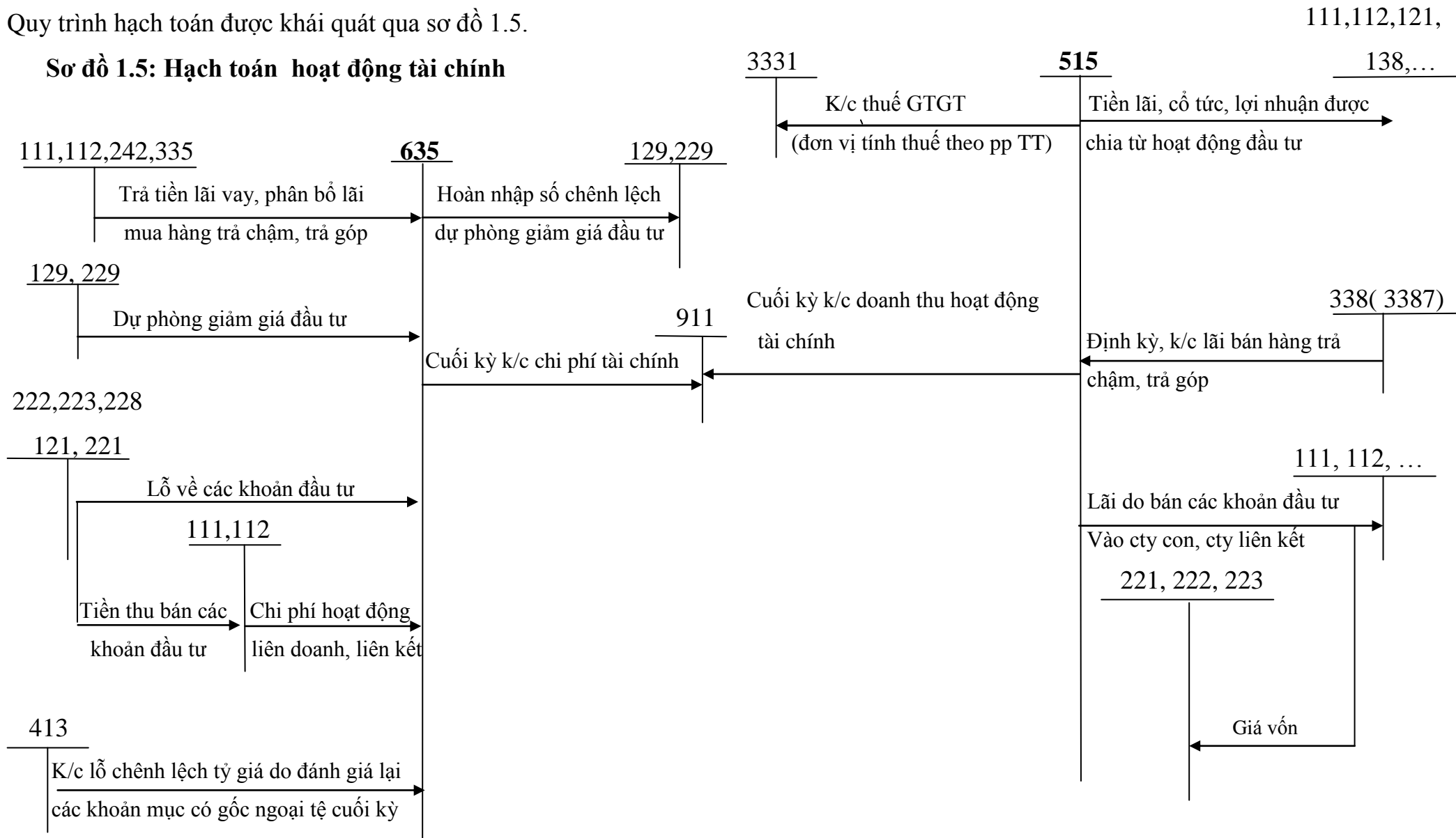
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

*Tài khoản 635 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ.*

1.2.4.3. Quy trình hạch toán hoạt động tài chính.

Quy trình hạch toán được khái quát qua sơ đồ 1.5.

**Sơ đồ 1.5: Hạch toán hoạt động tài chính**





### 1.2.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

#### 1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá lại tài sản, Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản góp vốn liên doanh, Phiếu thu....

#### 1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

##### ➤ Tài khoản 711 "Thu nhập khác"

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

*Kết cấu tài khoản 711:*

##### ✓ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

##### ✓ Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

*Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.*

##### ➤ Tài khoản 811 "Chi phí khác"

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

*Kết cấu TK 811:*

##### ✓ Bên Nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.

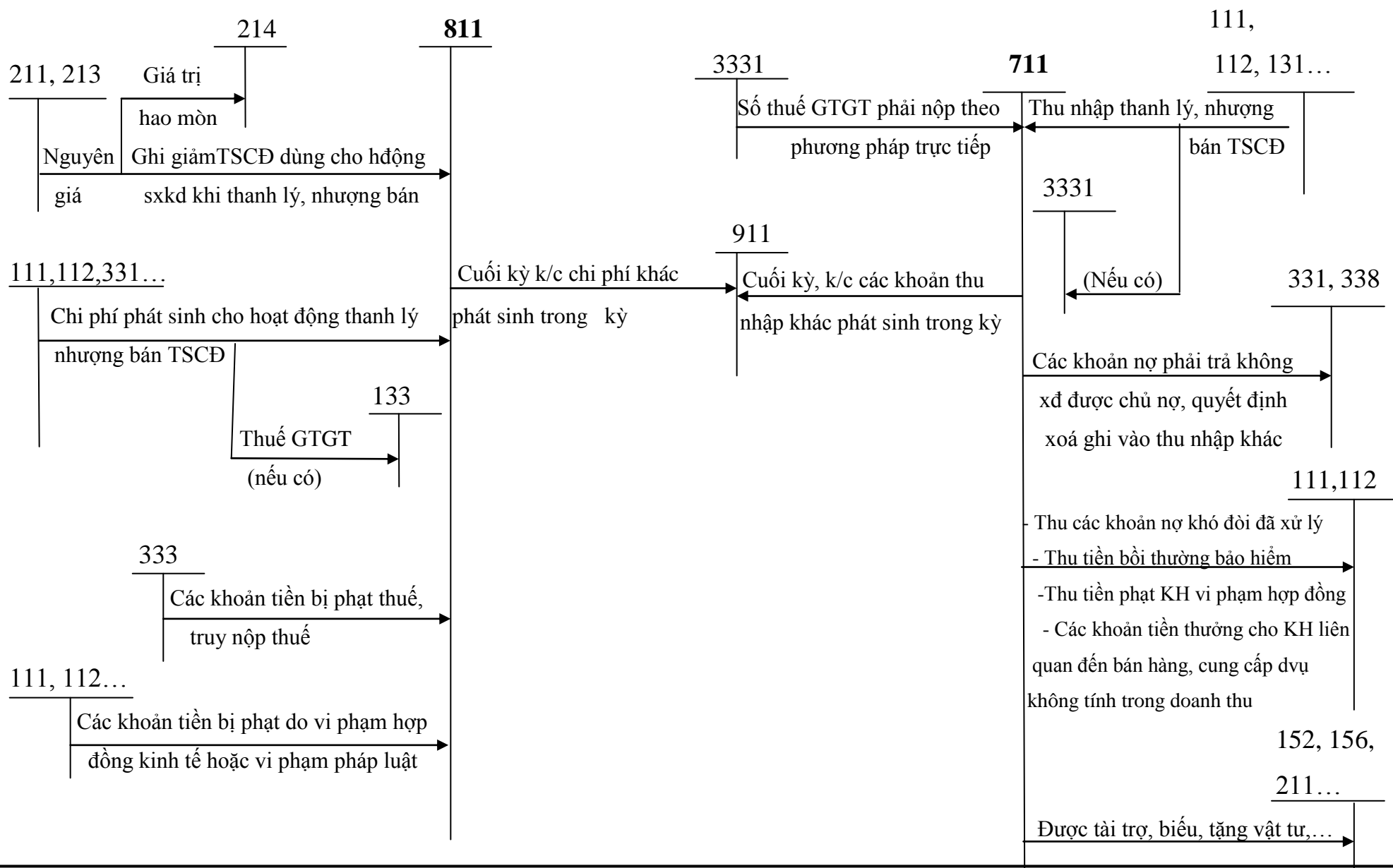
##### ✓ Bên Có :

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

*Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.*

#### 1.2.5.3. Quy trình hạch toán chi phí khác và thu nhập khác

**Sơ đồ 1.6 : Sơ đồ hạch toán chi phí khác và thu nhập khác**





### 1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### 1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán kết chuyển.

#### 1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

##### **Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

*Kết cấu tài khoản 911:*

##### ✓ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

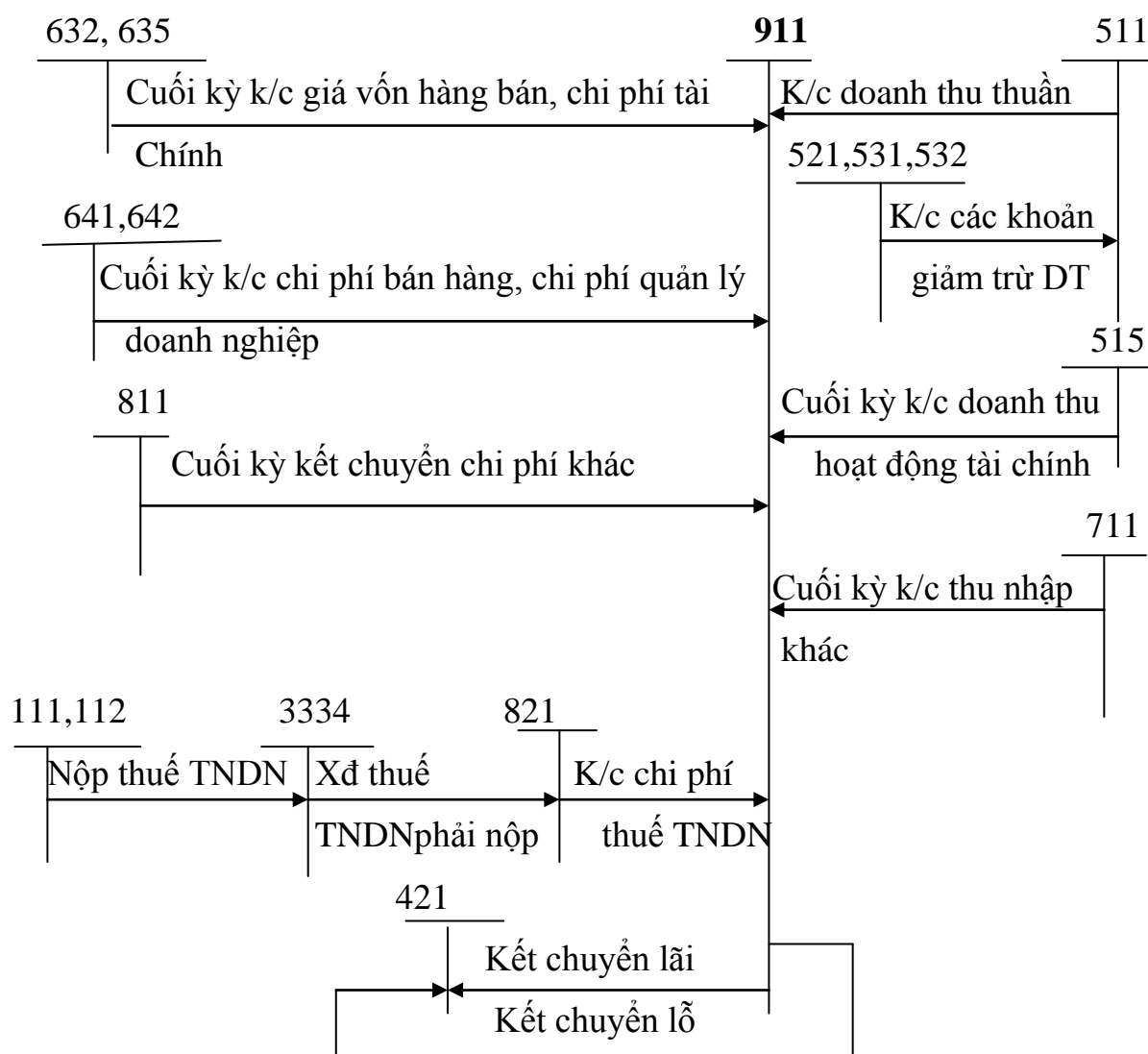
##### ✓ Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

*Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.*

#### 1.2.6.3. Quy trình hạch toán kết quả kinh doanh (sơ đồ 1.7)

**Sơ đồ 1.7 : Hạch toán kết quả kinh doanh:**



**1.3. Các hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp**

**1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.**

❖ **Đặc điểm :** Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

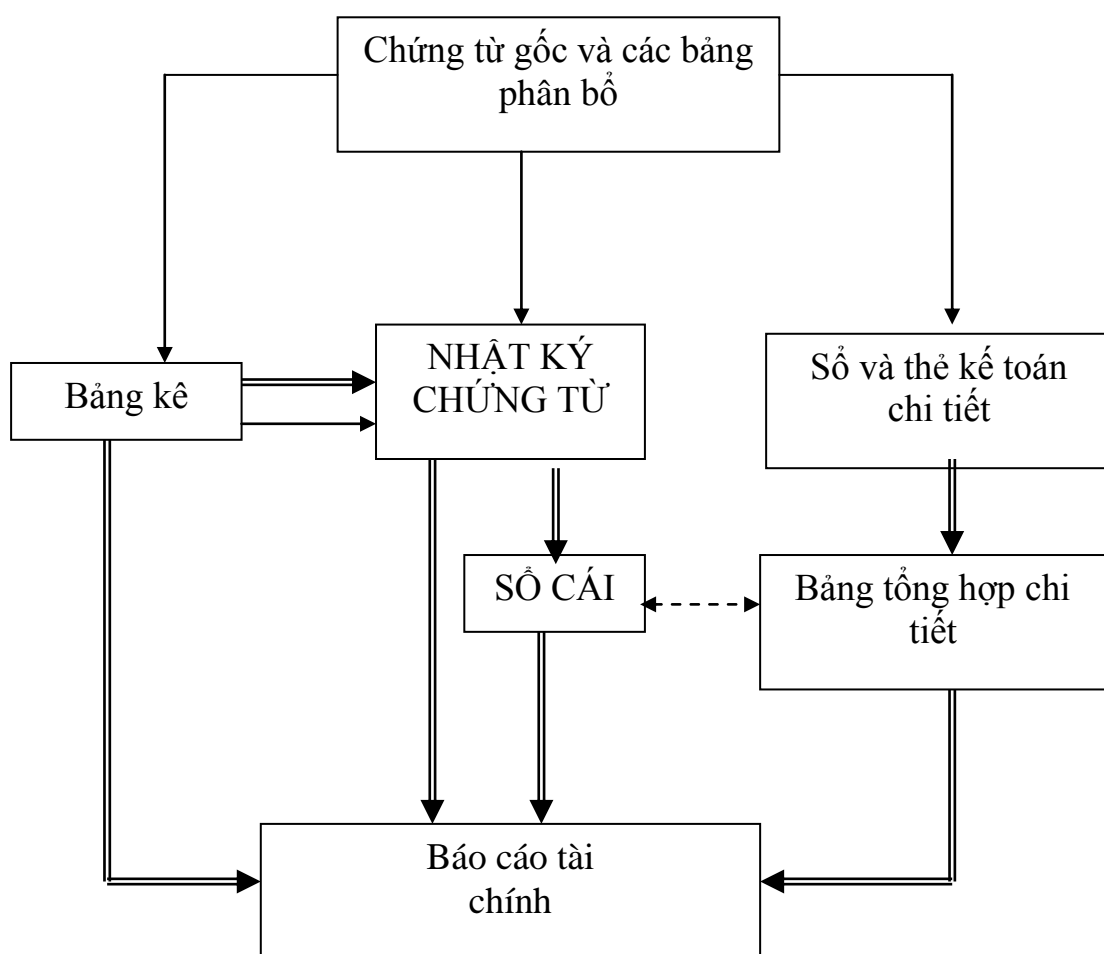
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

❖ **Các loại sổ:** Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**

Sơ đồ 1.8: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.



**Ghi chú:**

- > : Ghi hàng ngày
- ====> : Ghi cuối tháng
- ←-----> : Quan hệ đối chiếu

**1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái.**

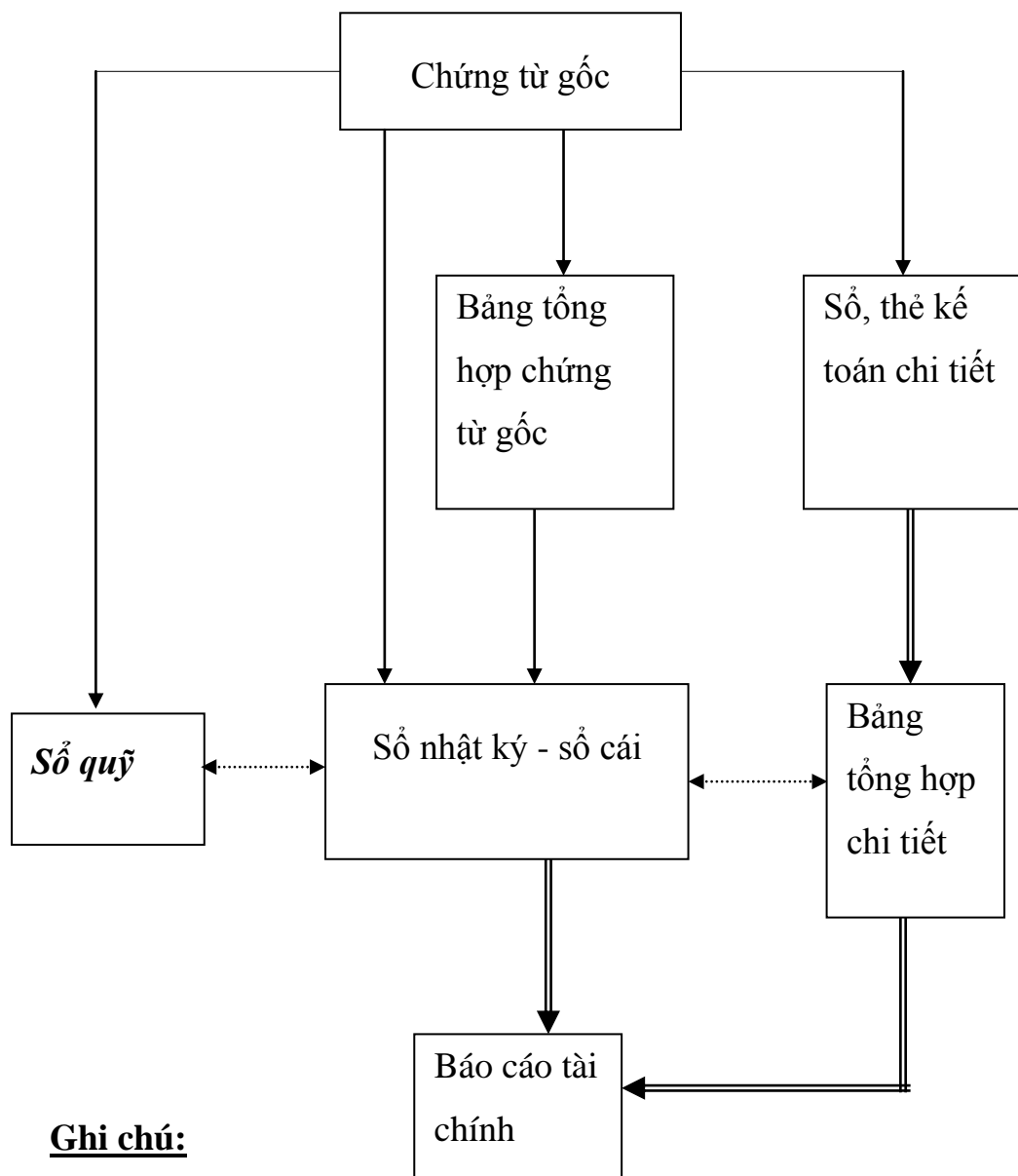
❖ **Đặc điểm:** các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế

toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký – Sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán :**

**Sơ đồ 1.9: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - sổ cái:**



**Ghi chú:**

- >: ghi hàng ngày
- <----->: quan hệ đối chiếu
- ====>: ghi hàng tháng

### **1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.**

❖ **Đặc điểm:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

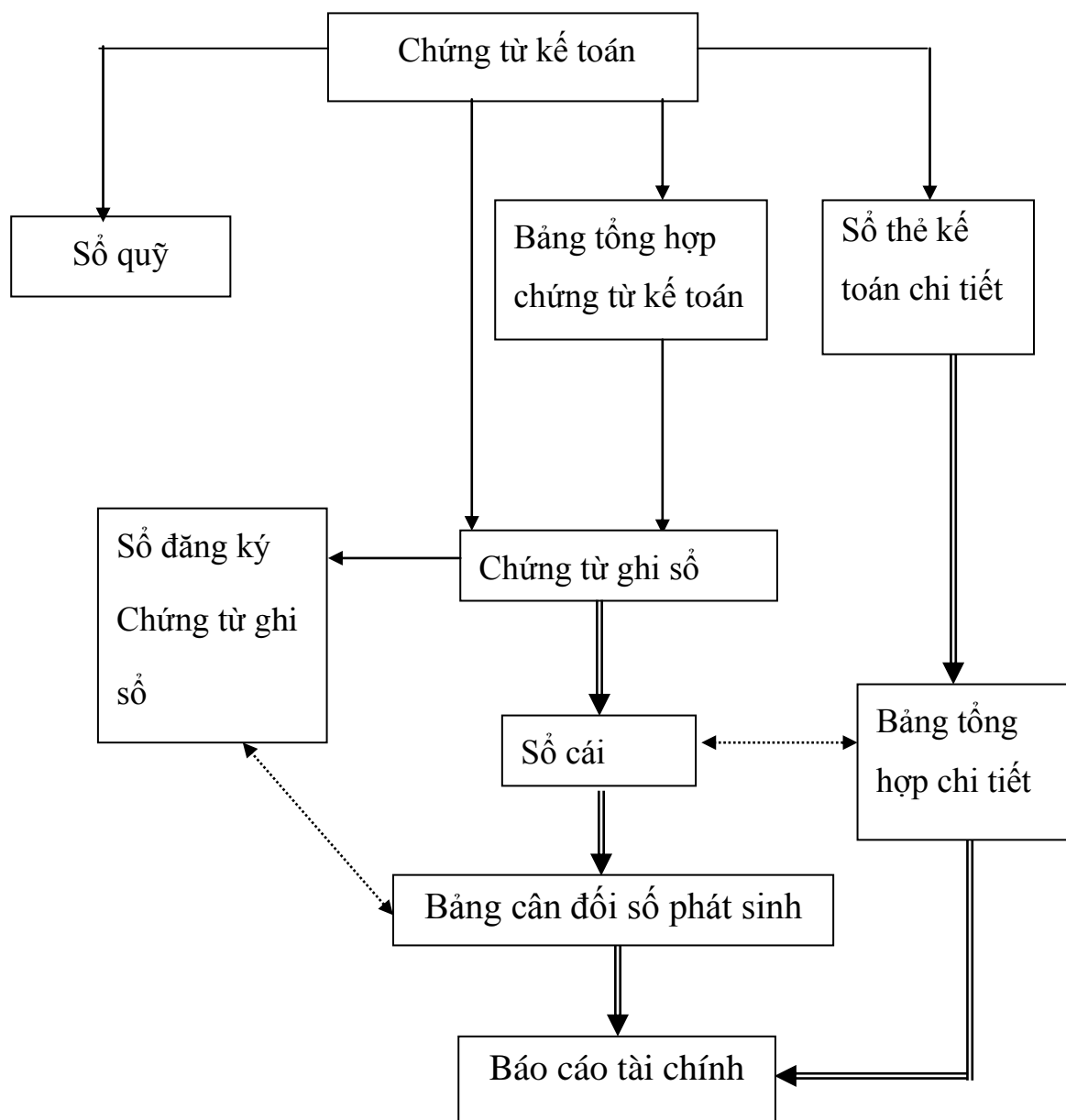
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

❖ **Các loại sổ:** Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**



Sơ đồ 1.10: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ:



**Ghi chú:**

- > : ghi hàng ngày
- ◄-----> : quan hệ đối chiếu
- ====> : ghi hàng tháng

**1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký chung.**

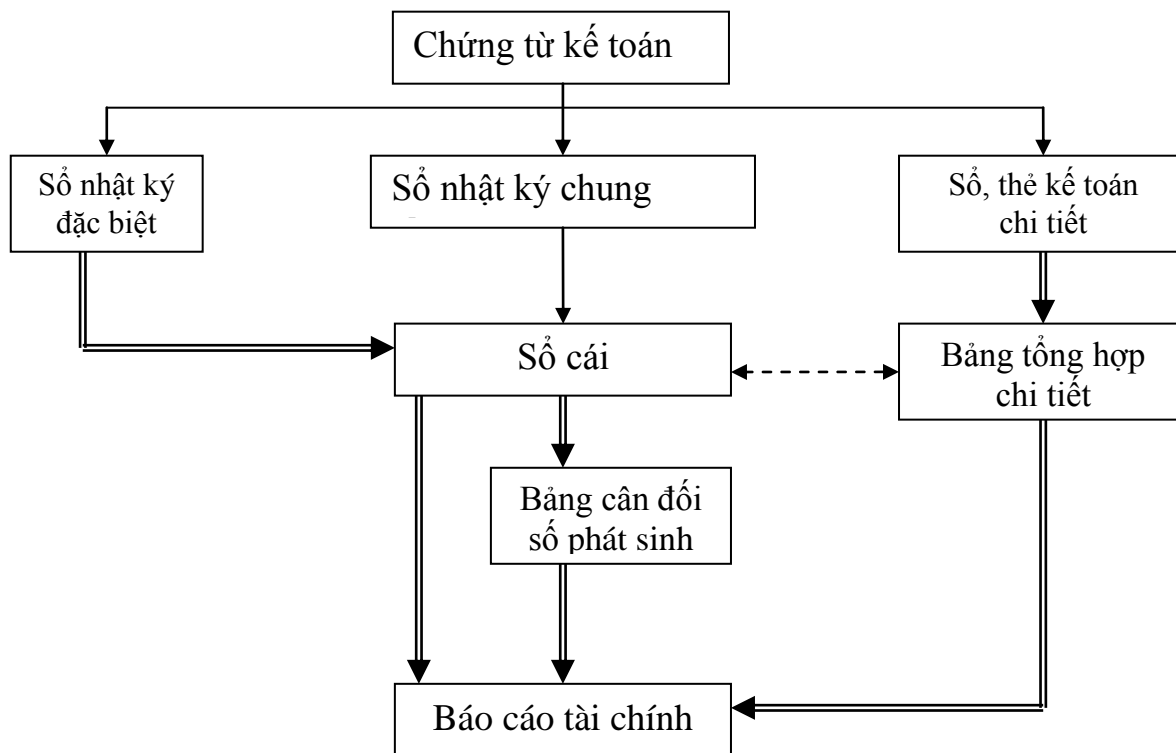
❖ **Đặc điểm** : Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán ) của nghiệp vụ đó.

Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết .

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán**

**Sơ đồ 1.11: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:**



**Ghi chú:**

- > : ghi hàng ngày
- ←-----> : quan hệ đối chiếu
- =====> : ghi hàng tháng

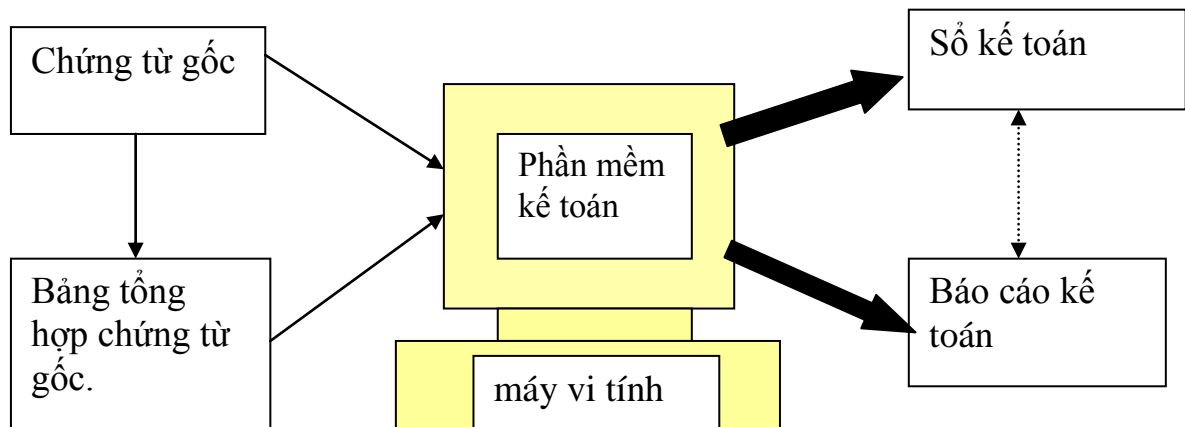
**1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.**

❖ **Đặc điểm :** Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ **Các loại sổ:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**

**Sơ đồ 12: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy:**



**Ghi chú:**

—————> : nhập số liệu hàng ngày

←.....→ : quan hệ đối chiếu

—————> : in sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

## CHƯƠNG II

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN

#### DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

#### TẠI CÔNG TY TNHH THỜI DỰ

##### 2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thời Dự

- Tên công ty: Công ty TNHH Thời Dự.
- Trụ sở chính: Thôn Thủy Tú - Xã Đường Thủy - Huyện Thủy Nguyên - TP.Hải Phòng.
- Tài khoản giao dịch: 105001000415977 tại ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu.
- Giám đốc: Ông Nguyễn Văn Thời.
- Mã số thuế: 0200603830
- Vốn điều lệ: 10,9 tỷ

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thời Dự

Được thành lập ngày 28 tháng 09 năm 2005 theo giấy phép kinh doanh số 0203001747 của Sở Kế Hoạch & Đầu Tư Tp Hải Phòng. Chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật Nhà nước, các quy định của Bộ, Ngành. Ngoài ra chịu sự quản lý hành chính, an ninh... của UBND các cấp nơi đặt trụ sở của Công ty.

Hiện nay Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh lần thứ 1 ngày 31 tháng 07 năm 2009, tạo điều kiện pháp lý cho công ty hoạt động kinh doanh hợp pháp, chấp hành đúng theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

Chức năng chính của công ty:

- ✓ Tư vấn thiết kế xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp.
- ✓ Sản xuất gạch siêu nhẹ.
- ✓ Mua bán, kinh doanh vật liệu xây dựng.

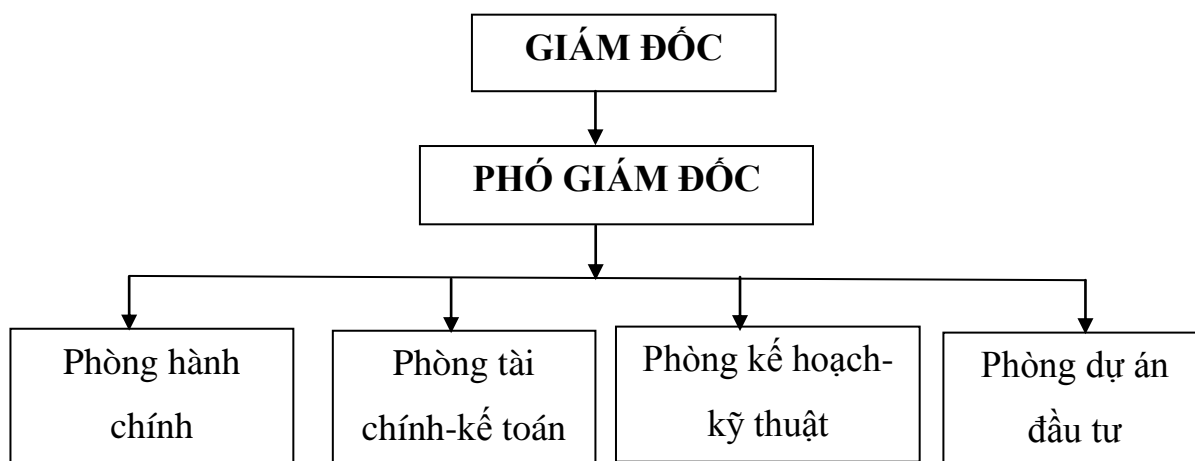
- ✓ Dịch vụ kỹ thuật xây dựng và chuyển giao công nghệ.

### 2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thời Dự

#### ❖ Bộ máy tổ chức.

Để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả đòi hỏi công ty phải tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, phù hợp với điều kiện sản xuất của công ty nhằm giảm thiểu chi phí, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng tốt hơn.

- Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty:



**Ghi chú:** —————> : Quan hệ chỉ đạo

#### ❖ Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban:

\* Ban giám đốc công ty gồm: 1 giám đốc, 1 phó giám đốc

- **Giám đốc:** Là đại diện pháp nhân của công ty, là người đứng đầu công ty chịu trách nhiệm trước Ban Quản Trị và các cơ quan hữu quan về bảo toàn và phát triển vốn được giao về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Toàn quyền quyết định mọi hoạt động liên quan đến sản xuất và kinh doanh của công ty.

Giám đốc có quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật cán bộ, quyết định tiền lương, các công tác tài chính, quyết định tham gia ký kết các hợp đồng.

Giám đốc công ty còn có trách nhiệm tham gia bảo toàn, phát triển vốn, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của công ty cho hội đồng quản trị theo định kỳ.

- **Phó Giám đốc:** là người được Giám đốc uỷ quyền giải quyết các công việc khi đi vắng và là người chịu trách nhiệm về công việc được giao.

\* Công ty có 4 phòng ban:

+ Phòng tổ chức hành chính:

Là phòng có nhiệm vụ quản lý cán bộ, đề bạt cán bộ, tổ chức biên chế lao động trong Công ty, lập bảng lương, khen thưởng, nhận xét, đánh giá cán bộ hàng năm, nâng lương, nâng bậc và thực hiện chính sách chế độ có liên quan đến người lao động, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ, kiểm tra mọi hoạt động của đơn vị.

Tham mưu cho Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý, lao động, tiền lương, sắp xếp tổ chức sản xuất, tiếp cận và bố trí cán bộ công nhân viên, quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công nhân viên, báo cáo thống kê nghiệp vụ, công tác bảo vệ nội bộ, thực hiện chế độ chính sách Nhà nước đối với người lao động, công tác thi đua khen thưởng trong toàn Công ty. Tham mưu cho Giám đốc Công ty trong việc quản lý, điều hành công tác, công văn giấy tờ, phương tiện trang thiết bị văn phòng, xe ô tô, trụ sở làm việc.

+ Phòng tài chính kế toán:

Là phòng tham mưu cho ban lãnh đạo công ty trong công tác quản lý tài chính, tổ chức chỉ đạo công tác thống kê kế toán, hạch toán kinh doanh trong công ty theo nguyên tắc bảo toàn và tăng các nguồn vốn được giao.

Nhiệm vụ của phòng kế toán tài chính là đơn đốc thực hiện kế hoạch tài chính trong từng kỳ, có quyết toán cuối kỳ. Ghi chép các chứng từ sổ sách theo quy định. Hướng dẫn, thống kê về phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Thực hiện chế độ tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho cán bộ, công nhân viên của công ty.

+ Phòng kế hoạch kỹ thuật:

Bao gồm 2 bộ phận: kế hoạch kinh doanh, cơ khí

- Bộ phận kế hoạch kinh doanh (KHKD ): tập hợp các đơn hàng, xây dựng chương trình sản xuất, tham mưu cho giám đốc các chính sách kinh doanh, gập gỡ các đối tác kinh doanh, xây dựng các hợp đồng kinh tế. Giám sát về mặt chất lượng nguyên liệu, đảm bảo về mặt định mức nguyên vật liệu và chất lượng sản phẩm.

- Bộ phận cơ khí: lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra liên tục. Giám sát và chịu trách nhiệm về tình trạng kĩ thuật của máy móc trang thiết bị.

+ Phòng dự án đầu tư:

Nghiên cứu các dự án, các hợp đồng kinh tế, triển khai trực tiếp cho phòng kế hoạch kĩ thuật và đồng thời là tham mưu ý kiến cho giám đốc.

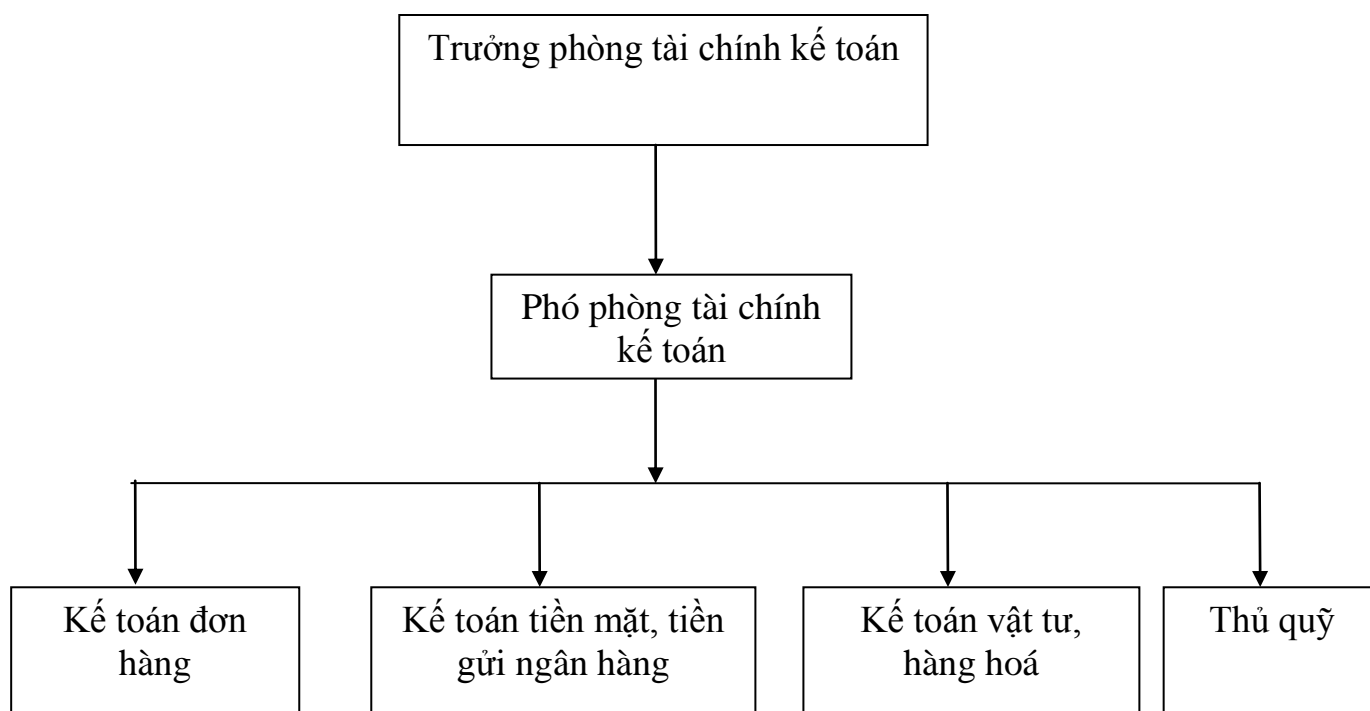
Do mô hình sản xuất của công ty có nhiều máy móc, nhà xưởng và đội ngũ công nhân. Nên phòng bảo vệ cũng đóng vai trò quan trọng trong bộ máy quản lý của công ty. Phòng bảo vệ có chức năng chuyên trách tuần tra canh gác, bảo vệ tài sản, hàng hoá, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trong phạm vi toàn công ty. Dưới các phòng ban là các phân xưởng trực tiếp tham gia quá trình sản xuất.

### ***2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thời Dự***

#### ***2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thời Dự***

Phòng kế toán là trung tâm cung cấp các thông tin về sự vận động của tài sản, các thông tin về hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty cũng như hiệu quả của việc sử dụng vốn. Đây là những căn cứ giúp ban lãnh đạo công ty đề ra các quyết định kịp thời, đúng đắn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty TNHH Thời Dự đã sắp xếp lại cơ cấu bộ máy kế toán hết sức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác đáp ứng được yêu cầu quản lý.

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thời Dự:



**\*Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức bộ máy kế toán:**

+ Trưởng phòng tài chính kế toán: Là người thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong Công ty. Hướng dẫn lập & kiểm duyệt báo cáo tài chính. Tổ chức công tác và tổ chức điều hành bộ máy Kế toán - Thống kê gọn nhẹ, phù hợp với quy mô và yêu cầu quản lý của Công ty.

Được quyền phân công nhiệm vụ, nhận xét, đánh giá, đề nghị khen thưởng và kỷ luật cho các nhân viên. Độc lập về chuyên môn nghiệp vụ .

Yêu cầu các bộ phận liên quan trong công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán và giám sát tài chính của kế toán trưởng. Trực tiếp báo cáo bằng văn bản cho người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán khi phát hiện các vi phạm pháp luật về tài chính.

+ Phó phòng tài chính kế toán: Phụ trách khâu lập báo cáo tài chính hàng quý, năm theo các nội dung quy định của Bộ Tài chính. Ký hoá đơn bán hàng, các phiếu thu, phiếu chi trong các trường hợp Kế toán trưởng đi vắng từ 01 ngày trở lên. Quản lý toàn bộ chứng từ tổng hợp do các kế toán viên lập. Kiểm tra tính hợp lệ



của các chứng từ trước khi Giám đốc công ty duyệt chi trong thời gian Kế toán trưởng đi vắng.

+ Kế toán đơn hàng: Kế toán đơn hàng có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý đơn hàng của khách hàng, tiếp nhận và xử lý các đơn đặt hàng của khách hàng. Giao dịch với khách hàng về: số lượng, giá cả, thời hạn giao hàng...

Liên hệ với các phòng ban, đơn vị liên quan để đảm bảo thời hạn giao hàng cho khách hàng đúng hạn. Theo dõi công nợ của khách hàng.

+ Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng: Theo dõi thu chi tiền mặt tại Công ty. Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán. Chịu trách nhiệm trước Kế toán trưởng về công việc được giao.

Theo dõi công nợ phải thu, phải trả, kiểm tra các chứng từ thanh toán trước khi viết phiếu chi tiền theo đúng chế độ luật kế toán hàng tháng, quý vào sổ chi tiết lập bảng kê nhật ký, trình nộp kế toán trưởng.

Chịu trách nhiệm kiểm soát và lưu trữ các tài liệu và hồ sơ thuộc phạm vi Kế toán tiền mặt.

+ Kế toán vật tư hàng hoá: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình xuất - nhập - tồn kho hàng hoá. Lập và quản lý những chứng từ như: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, thẻ kho... đồng thời hàng ngày phải phản ánh số liệu vào các sổ chi tiết tiêu thụ, sổ tài khoản 152, tài khoản 511...

+ Thủ quỹ: Thủ quỹ có chức năng quản lý quỹ của Công ty. Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán. Quản lý kết quỹ, đảm bảo an toàn, ngăn nắp, gọn gàng, bí mật, đóng mở có khoa học. Đề xuất kịp thời với Lãnh đạo đơn vị về việc sắp xếp, quản lý quỹ. Một số quyền hạn của thủ quỹ được quyền giữ và quản lý chìa khóa kết tiền mặt. Được quyền từ chối chi trả các khoản chi phí nếu thấy không hợp lệ.

### *2.1.3.2. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thời Dự*

Công ty TNHH Thời Dự áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Kỳ kế toán: Công ty áp dụng, lập và nộp báo cáo tài chính cho cơ quan Nhà nước theo kỳ kế toán năm, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán **Nhật ký chung**.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Việt Nam đồng.

- Nguyên tắc và phương pháp quy đổi các đồng tiền khác: Theo tỷ giá hối đoái của ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Công ty sử dụng phương pháp **khấu hao đường thẳng**.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

+ Phương pháp hạch toán HTK: **Kê khai thường xuyên**.

- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng được doanh nghiệp áp dụng theo **phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng**.

- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: **nhập trước xuất trước**.

- Tính giá vật liệu, dụng cụ nhập kho: giá gốc.

Đặc trưng cơ bản của hình kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

\* Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

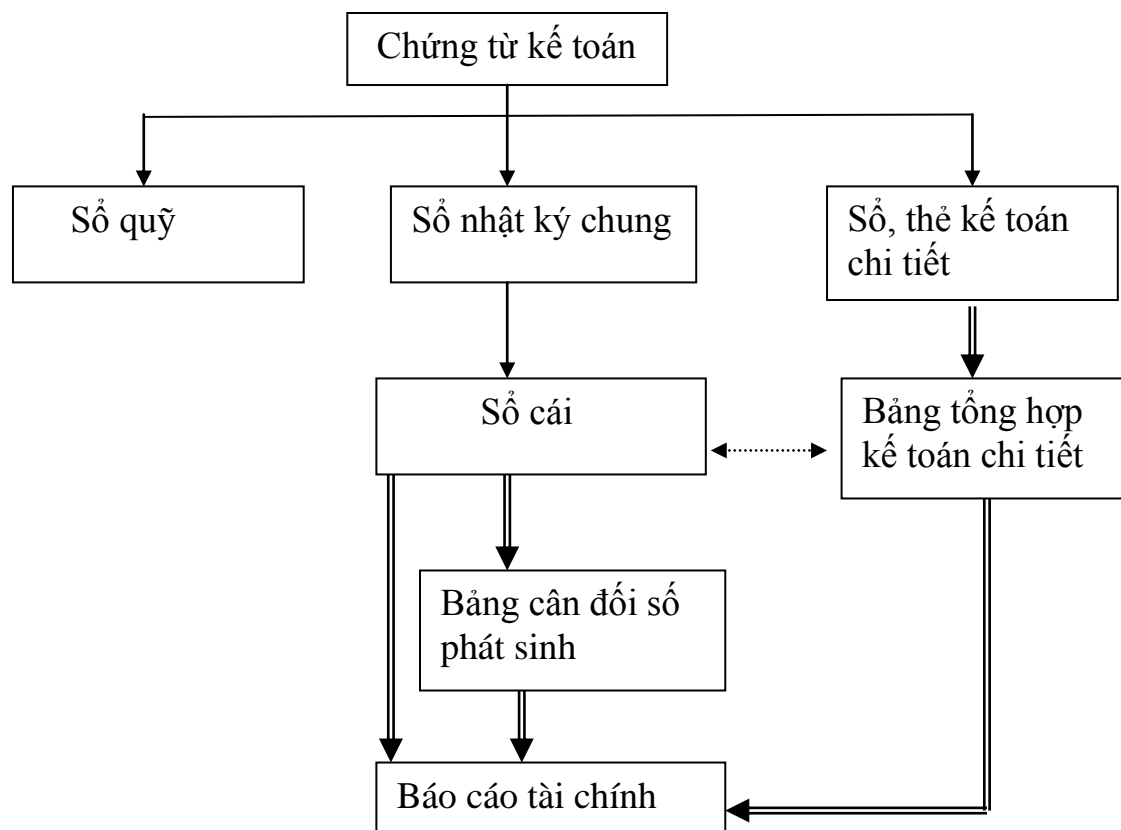
- Sổ Nhật ký chung.

- Sổ cái.

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Thời Dụ.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi định kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết các tài khoản.

+ Căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

+ Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối phát sinh.

+ Kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

+ Cuối kỳ kế toán, từ bảng cân đối tài khoản làm căn cứ để lập báo cáo tài chính.

*Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung đó là: Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh có trên bảng cân đối sổ phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.*

## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thời Dự**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Thời Dự**

#### **2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu tại công ty TNHH Thời Dự.**

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ hoạt động bán gạch đem lại nên mang những đặc điểm sau đây:

- Hình thức bán hàng: Công ty chủ yếu bán hàng trực tiếp.
- Về khối lượng thành phẩm xuất bán: được thỏa thuận chi tiết với khách hàng khi ký kết hợp đồng kinh tế, làm căn cứ để lên kế hoạch sản xuất, đảm bảo đúng đủ theo hợp đồng.
- Về giá bán sản phẩm: được ghi trên bảng giá do công ty đưa ra, được khách hàng chấp nhận theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế. Giá các sản phẩm này tương đối ổn định, vừa đáp ứng khả năng thanh toán của mọi khách hàng, vừa đảm bảo tính cạnh tranh với các đơn vị khác.
- Về phương thức thanh toán: chủ yếu thanh toán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng, Công ty cho thanh toán chậm trong thời gian nhất định đã được thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế.

#### **2.2.1.2. Quy trình hạch toán.**

##### **A. Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn bán hàng
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

##### **B. Tài khoản sử dụng**

- TK 511, TK 632

Ngoài ra có các TK liên quan: TK 131, 3331, 111,112...

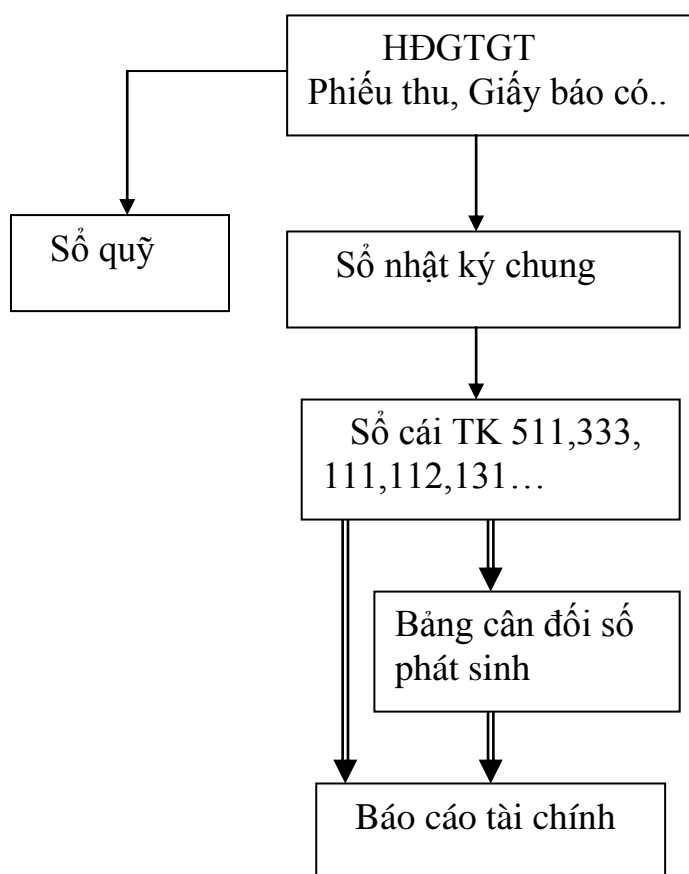
**C. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty**

- Đối với hoạt động bán hàng, trước hết căn cứ vào hợp đồng mua bán ( nếu có ) hoặc căn cứ vào thỏa thuận mua bán của khách hàng, kế toán sẽ viết hóa đơn GTGT sau đó chuyển xuống thủ kho để lập phiếu xuất kho.

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết, Sổ cái TK 511, TK 131 TK 111... và các sổ khác có liên quan.

Cuối năm kế toán thực hiện khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh, căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty TNHH Thời Dụ:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: —————→
- Ghi cuối tháng, cuối năm: ══════════→

**Ví dụ 01:** Ngày 14 tháng 06 năm 2010 Công ty ký hợp đồng kinh tế với công ty TNHH ô tô Hoa Mai (biểu số 2.1)

Ngày 20 tháng 06 năm 2010 công ty TNHH ô tô Hoa Mai tạm ứng số tiền 50.000.000 theo hợp đồng kinh tế số 19 qua ngân hàng (biểu số 2.2)

Ngày 25 tháng 06 năm 2010 công ty xuất gạch cho cty TNHH ô tô Hoa Mai kê toán viết hóa đơn số 08045 (biểu số 2.3)

Định khoản:

a) Nợ 112: 50.000.000

Có 131: 50.000.000

b) Nợ 632: 115.649.200

Có 155: 115.649.200

c) Nợ 131: 169.587.000

Có 511: 154.170.000

Có 3331: 15.417.000

- Căn cứ vào các chứng từ trên kê toán tiến hành ghi vào sổ NKC (biểu số 2.4) , sổ cái 511 (biểu số 2.5), Sổ cái TK 333 (biểu số 2.6), Sổ cái TK131( Biểu số 2.9),

- Kế toán căn cứ vào hoá đơn bán hàng tiến hành theo dõi các khoản nợ phải thu trên sổ chi tiết 131 (biểu số 2.7). Cuối năm căn cứ vào sổ chi tiết kê toán lập sổ tổng hợp phải thu của khách hàng (Biểu số 2.8)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----\*\*\*-----

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

**SỐ :19/HĐKT**

*Về việc: mua bán gạch siêu nhẹ Gabe*

**I. Căn cứ pháp lý**

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH 11 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khoá XI.

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH 11 của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khoá XI.

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên:

Hôm nay, ngày      tháng      năm 2010 tại công ty TNHH THời Dự, chúng tôi gồm:

**II. Thành phần tham gia**

**BÊN MUA (GỌI TẮT LÀ BÊN A) :**

Đơn vị      : Công ty TNHH ô tô Hoa Mai

Địa chỉ      : KM 34 + 500 Quốc lộ 10 – Quốc Tuấn – An Lão - HP

Điện thoại      : 0908130269      Fax: 03.8233738

Mã số thuế      : 0302089533

Tài khoản      : 020421100901046899 tại ngân hàng Sacombank

Đại diện      : ông Nguyễn Đức Cường      Chức vụ : Giám đốc

**BÊN BÁN (GỌI TẮT LÀ BÊN B) :**

Đơn vị      : Công ty TNHH Thời Dự

Địa chỉ      : Thôn Thủy Tú – xã Đường Thủy - Huyện Thủy Nguyên -HP

Điện thoại      : 031.3778 369      -      Fax: 031.3778 370

Tài khoản : 105001000415977 tại ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu.

Mã số thuế : 0200603830

Đại diện : ông Nguyễn Văn Thời. Chức vụ : Giám đốc

Hai bên cùng nhau thoả thuận ký kết đồng kinh tế với các điều khoản sau:

**Điều 1 : Nội dung công việc**

- Bên A đồng ý mua và bên B đồng ý bán mặt hàng gạch siêu nhẹ, nhãn hiệu: Gabe, cụ thể như sau:

- Quy cách, khối lượng, đơn giá sản phẩm được bên A chấp thuận như sau:

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gạch BLB 800	viên	2.700	10.300	27.810.000
2	Gạch BLB 800	viên	3.000	9.720	29.160.000
3	Gạch BLB 800	viên	10.000	9.720	97.200.000
<b>Cộng :</b>					<b>154.170.000</b>
<b>Thuế VAT 10%:</b>					<b>15.417.000</b>
<b>Tổng thanh toán:</b>					<b>169.587.000</b>

(Bảng chữ : một trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng chẵn.)

**Điều 2 : Phương thức thanh toán**

- Bên A đặt cọc 30% giá trị hợp đồng cho bên B ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

- Bên A thanh toán tiếp 30% giá trị hợp đồng khi bên B giao cho bên A đạt 2/3 số lượng hàng.

- Bên A thanh toán 40% giá trị hợp đồng còn lại trước khi bên B giao số lượng hàng còn lại cho bên A.

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

**Điều 3 : Thời gian và địa điểm giao hàng**

- Thời gian giao hàng: 10 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

- Số lượng hàng giao : (700 viên đến 1000 viên )/ lần.



- Địa điểm trả hàng : tại Công ty TNHH ô tô Hoa Mai.

#### **Điều 4 : Trách nhiệm cụ thể của các bên**

##### **4.1. Đối với bên A**

- Phối hợp cùng bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Cùng bên B lập biên bản bàn giao nhận hàng.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B số tiền đã ghi trong hợp đồng và theo các điều khoản thanh toán quy định tại Điều 2 của hợp đồng này.
- Thông báo cho bên B kế hoạch từng đợt lấy hàng (trước 10 – 15 ngày).

##### **4.2. Đối với bên B**

- Cung cấp sản phẩm cho bên A theo đúng chủng loại, số lượng, chất lượng đạt tiêu chuẩn như cam kết.
- Giao hàng theo đúng thời gian và địa điểm cho bên A như đã nêu trong Điều 3.
- Cung cấp cho bên A hoá đơn tài chính và các chứng từ khác kèm theo (nếu có).

#### **Điều 5 : Trách nhiệm vi phạm hợp đồng**

- Trong trường hợp bên B vi phạm thời gian, kế hoạch, không thực hiện đúng như bất kỳ nội dung nào trong phương án mà hai bên đã bàn bạc thì bên B phải chịu phạt 12% giá trị hợp đồng cho bên A.
- Trong trường hợp bên A huỷ bỏ thực hiện các chương trình thì bên A phải chịu phạt 12% giá trị hợp đồng cho bên A.
- Nếu một trong hai bên đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bên đó phải chịu hoàn toàn các chi phí phát sinh liên quan và thiệt hại do việc đơn phương chấm dứt hợp đồng đó gây ra.

- Trường hợp bất khả kháng (do thiên tai, hoả hoạn, vv..... ) các bên có trách nhiệm thông báo cho bên kia để cùng giải quyết trên tinh thần hợp tác cao.

### **Điều 6 : Điều khoản chung**

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo các điều khoản ghi trong hợp đồng. Nếu có phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên cùng nhau thoả thuận trên tinh thần hợp tác. Mọi sửa đổi, bổ sung phải thực hiện bằng văn bản và có chữ ký, đóng dấu của hai bên.
- Trường hợp có vấn đề phát sinh mà hai bên không thể giải quyết được bằng thương lượng, thì vụ việc đó sẽ được đưa ra giải quyết theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự tại Toà án có thẩm quyền buộc hai bên cùng thực hiện.
- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

*Hải Phòng, ngày 14 tháng 06 năm 2010*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**Biểu số 2.2**

Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu  
GP. BANK – HP

Theo công văn số 15815/CT - AC  
Cục thuế TP Hà Nội

**PHIẾU BÁO CÁO**

Ngày 20 tháng 06 năm 2010

Kính gửi: Công ty TNHH Thời Dự

Số tài khoản: 105-001-00041597-7

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-Đường Thủy-  
Thủy Nguyên-HP

Loại tiền: VND

Mã số thuế: 0200603830

Loại tài khoản: tiền gửi thanh toán

G- Account: 10101194

Số bút toán hạch toán:

LD10180000041

GP- Bank xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyển khoản	50.000.000
<b>Tổng số tiền</b>	<b>50.000.000</b>

Số tiền bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn.

Diễn giải: công ty TNHH ô tô Hoa Mai tạm ứng tiền mua hàng.

Người lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Biểu số 2.3**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số:01GTKT- 3LL			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		ET/2009B			
Liên 3: Lưu		0008045			
<i>Ngày 25 tháng 06 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thời Dữ					
Địa chỉ: Thôn Thủy Tú – xã Đường Thủy - huyện Thủy Nguyên - HP					
Số tài khoản: 105001000415977					
Điện thoại: 0313778369			MS:0200603830		
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Đức Cường					
Tên đơn vị: công ty TNHH ô tô Hoa Mai					
Địa chỉ : KM 34 + 500 Quốc lộ 10 – Quốc Tuấn – An Lão - Hp					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK			MS : 03 02089533		
STT	Tên hàng hoá,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gạch BLB 800	viên	2.700	10.300	27.810.000
2	Gạch BLB 800	viên	3.000	9.720	29.160.000
3	Gạch BLB 800	viên	10.000	9.720	97.200.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>154.170.000</b>
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					15.417.000
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>169.587.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: <i>một trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (Ký,ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký,ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký,ghi rõ họ tên và đóng dấu)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập,giao,nhận hoá đơn)					

**Biểu số 2.4**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03a – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thuỷ Tú-xã Đường Thuỷ-Thuỷ Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				81.590.317	81.590.317
.....	.....	.....	.....				.....	.....
20/6	GBC GP	20/6	Cty TNHH ô tô Hoa Mai tạm ứng tiền			112	50.000.000	
						131		50.000.000
.....	.....	.....	.....				.....	.....
25/06	HĐ8045	25/06	Giá vốn hàng bán gạch siêu nhẹ			632	115.649.000	
			Thành phẩm			155		11500
			Giao gạch cho cty TNHH ô tô Hoa Mai			131	169.587.000	
			Doanh thu bán thành phẩm			511		154.170.000
			Thuế GTGT bán ra			3331		15.417.000
.....	.....	.....	.....			.....	.....	.....
			Cộng				50.281.838.170	50.281.838.170

**NGƯỜI LẬP**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.5**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03b – DN ( Ban hành theo QĐ số 15/2006

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 511

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2010

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
....	....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
25/6	HĐ8045	25/06	Bán gạch cho cty ô tô Hoa Mai			131		154.170.000
29/6	HĐ 8076	22/6	Bán gạch cho Cty CP đầu tư TM XD Khang			131		270.060.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
23/12	HĐ39700	23/10	Bán gạch cho Ông Nguyễn Văn Đức			111		7.560.000
			Cộng phát sinh				20.229.297.141	20.229.297.141
			<b>Số dư cuối kỳ</b>					

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.6**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03b – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 333

Tên TK: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Năm 2010

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					13.815.246
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
15/5	HĐ8044	15/5	Bán gạch cho ông Lê Đức Kha			111		1.177.000
25/6	HĐ8045	25/6	Bán gạch cho công ty TNHH ô tô Hoa Mai			131		15.417.000
29/6	HĐ8076	29/6	Bán gạch cho cty CP đầu tư XDTM Khang			131		29.706.600
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng phát sinh				186.599.991	216.458.222
			Số dư cuối kỳ					<b>43.673.477</b>

**NGƯỜI LẬP**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.7**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S31 – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TNHH ô tô Hoa Mai

Năm 2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được c/k	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>					-	
20/6	GBC GP	20/6	Thu tiền ứng trước	112			50.000.000		
25/06	HĐ8045	25/06	Giao gạch cho công ty Hoa Mai	511		154.170.000			
			Thuế GTGT đầu ra	3331		15.417.000			
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>346.587.000</b>	<b>250.000.000</b>		
			<b>Số dư cuối kỳ</b>					<b>96.587.000</b>	

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 2.8**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Địa chỉ: thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản: 131

Tên TK: Phải thu khách hàng

Năm 2010

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Ông Lê Đức Kha			11.770.000	11.770.000		
2	Công ty CP đầu tư XD TM Khang		100.000.000	297.066.000	150.000.000	47.066.000	
3	Công ty TNHH ô tô Hoa Mai			346.587.000	250.000.000	96.587.000	
4	Ông Nguyễn Văn Đức			8.316.000	8.316.000		
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	<b>Tổng</b>	<b>376.674.102</b>	<b>582.289.718</b>	<b>22.467.433.574</b>	<b>22.401.081.658</b>	<b>336.846.300</b>	<b>476.110.000</b>

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.9**

Địa chỉ: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03b – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 131

Tên TK: phải thu khách hàng

Năm 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Sô dư đầu kỳ					205.615.616
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....		
15/5	HĐ8044	15/5	Bán gạch cho ông Lê Đức Kha			111	11.770.000	
25/6	HĐ8045	25/6	Bán gạch cho công ty TNHH ô tô Hoa Mai			131	169.587.000	
29/6	HĐ8076	29/6	Bán gạch cho cty CP đầu tư XDTM Khang			131	297.066.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....		
			Cộng phát sinh				22.467.433.574	22.401.081.658
			<b>Số dư cuối kỳ</b>					<b>139.263.700</b>

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.10**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Địa chỉ: thôn Thuỷ Tú-xã Đường Thuỷ-Thuỷ Nguyên-HP

Mẫu số S07 – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ QUỸ**

Tài khoản: 112 – tiền gửi ngân hàng

Năm 2010

Chứng từ			Diễn giải	Số tiền		
Ngày	Gửi	Rút		Gửi	Rút	Dư
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b>687.360.112</b>
....	....	.....	.....	.....	.....	.....
20/6	GBC GP01		Công ty TNHH ô tô Hoa Mai tạm ứng	50.000.000		440.665.372
29/7	GBC VC		Trường Nguyễn Đình Chiểu thanh toán	84.218.000		524.883.372
13/10		GBN GP03	Rút tiền vay ngân hàng GP Bank		200.000.000	324.883.372
16/11		GBN GP04	Thanh toán cho công ty CP Nam Tín		178.000.000	146.883.372
....	....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>	<b>25.786.947.798</b>	<b>26.374.445.808</b>	
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b>99.862.102</b>

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.11**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03b – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 112

Tên TK: Tiền gửi ngân hàng

Năm 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					687.360.112
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
20/6	GBC GP01	20/6	công ty TNHH ô tô Hoa Mai tạm ứng			131	50.000.000	
29/7	GBC VC	29/7	Trường Nguyễn Đình Chiểu thanh toán			131	84.218.000	
13/10	BN GP03	13/10	Rút tiền vay ngân hàng GP Bank			111		200.000.000
16/11	BN GP04	16/11	Thanh toán tiền cho cty CP Nam Tín			331		178.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng phát sinh				25.786.947.798	26.374.445.808
			<b>Số dư cuối kỳ</b>					<b>99.862.102</b>

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

## **2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thời Dự**

### **2.2.2.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán**

Do là doanh nghiệp sản xuất nên giá vốn hàng bán bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất ra sản phẩm đó.

### **2.2.2.2. Quy trình hạch toán**

#### **✓ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan.

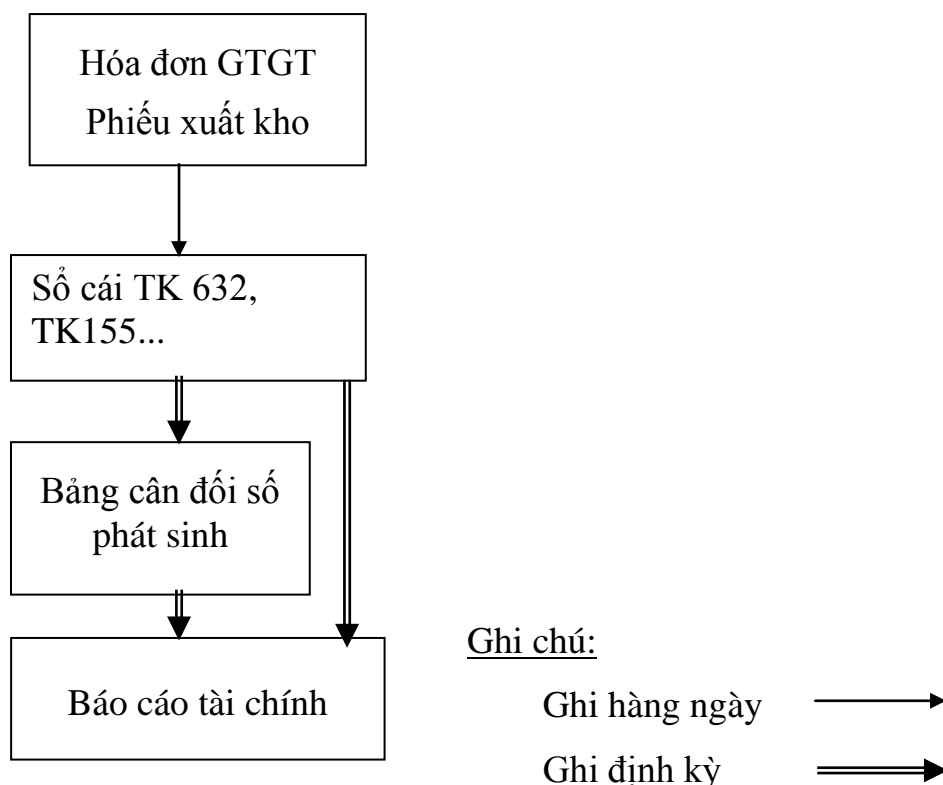
#### **✓ Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán".
- Tài khoản 155 "Thành phẩm"

#### **✓ Quy trình hạch toán giá vốn.**

- Để hạch toán giá vốn kế toán sử dụng TK 632:
  - + Căn cứ vào phiếu xuất kho
  - + Sổ sách kế toán sử dụng bao gồm: sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 632.
- Trình tự hạch toán:
  - + Căn cứ phiếu xuất kho, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung
  - + Căn cứ vào sổ Nhật Ký Chung kế toán ghi vào sổ cái TK 632 & lập bảng cân đối phát sinh.
  - + Đối chiếu bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn**



**Ví dụ 02: ( tiếp ví dụ 01)**

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế (biểu số 2.1) và hóa đơn 08045 (Biểu số 2.3). Cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng xuất bán được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Từ Phiếu xuất kho (Biểu 2.12), kế toán sẽ vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.4) , Sổ cái tài khoản 632 (Biểu 2.13), Sổ cái TK 155 (Biểu 2.14) và các sổ khác có liên quan. Có định khoản như sau:

Nợ TK 632: 115.649.000

Có TK 155: 115.649.000

**Biểu số 2.12**

Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số 02 - VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –  
BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 25 tháng 6 năm 2010

**Số: 59**  
TK nợ: 632  
TK có: 155

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Đức Cường

Địa chỉ, bộ phận: công ty TNHH ô tô Hoa Mai

Lý do xuất kho: Xuất bán

Địa điểm: Kho thành phẩm

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch BLB 800		viên	2700	2700	7680	20.736.000
2	Gạch BLB 800		viên	3000	3000	7301	21.903.000
3	Gạch BLB 800		viên	10.000	10.000	7301	73.010.000
	<b>TỔNG TIỀN</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>115.649.000</b>

Số tiền bằng chữ: Một trăm mười năm triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn chẵn.

Xuất, ngày 25 tháng 06 năm 2010

<b>Người lập</b> <b>phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nhận</b> <b>hàng</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ kho</b> (Ký, họ tên)	<b>Kế toán trưởng (Hoặc bộ</b> <b>phận có nhu cầu nhập)</b> (Ký, họ tên)	<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên)
--	--	-----------------------------------	--	---------------------------------

**Biểu số 2.13**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03a – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thuỷ Tú-xã Đường Thuỷ-Thuỷ Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 632

Tên TK: giá vốn hàng bán

Năm 2010

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
1/5	PXK 57	1/5	Giá vốn hàng bán			155	23.000.000	
15/5	PXK 58	15/5	Giá vốn hàng bán			155	8.035.000	
25/06	PXK 59	25/06	Giá vốn hàng bán			155	115.649.000	
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12		31/12	Kết chuyển giá vốn để xđịnh KQKD			911		19.463.907.436
			Cộng phát sinh				19.463.907.436	19.463.907.436
			Số dư cuối kỳ					

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 2.14**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03b – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: thôn Thuỷ Tú-xã Đường Thuỷ-Thuỷ Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 155

Tên TK: Thành phẩm

Năm 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
1/5	PXK 57	1/5	Giá vốn hàng bán			155		23.000.000
15/5	PXK 58	15/5	Giá vốn hàng bán			155		8.035.000
25/06	PXK 59	25/06	Giá vốn hàng bán			155		115.649.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng phát sinh				1.187.323.122	443.780.195
			Số dư cuối kỳ				<b>743.542.927</b>	

**Người lập**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

### **2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng**

Tại công ty trong năm 2010 không phát sinh chi phí bán hàng, do:

- Năm 2010, công ty không chi quảng cáo sản phẩm.
- Nhân viên kế toán kiêm luôn bán hàng nên không có khoản lương nhân viên bán hàng.
- Hoạt động bán hàng được diễn ra tại phòng kế toán nên không có chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí công cụ dụng cụ...

### **2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

#### **2.2.4.1. Đặc điểm chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty**

Chi phí quản lý của công ty bao gồm chi phí lương nhân viên văn phòng, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, chi phí khác liên quan đến việc quản lý doanh nghiệp,.....

#### **2.2.4.2. Quy trình hạch toán**

##### **✓ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ tiền lương
- Các chứng từ khác có liên quan.

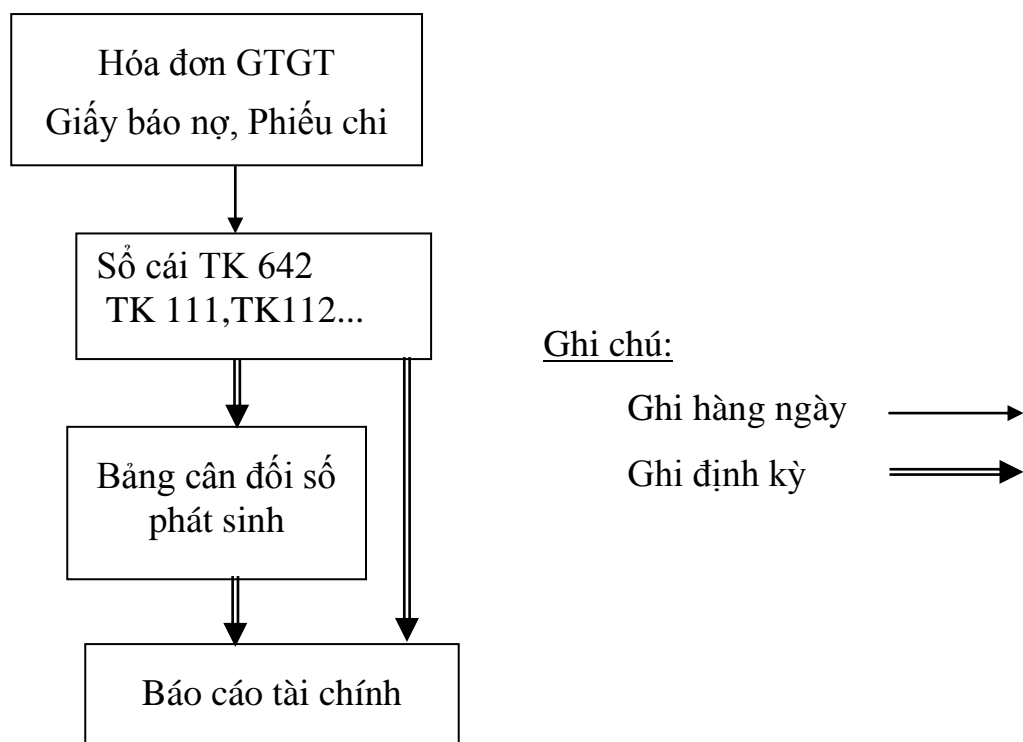
##### **✓ Tài khoản sử dụng**

- TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

##### **✓ Quy trình hạch toán**

Hàng ngày khi có nghiệp vụ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết chi phí, sau đó đối chiếu để ghi vào Sổ cái TK 642. Cuối năm kế toán tập hợp chi phí và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



**Ví dụ 03:**

- Căn cứ vào hóa đơn 3096197 (Biểu số 2.15) ngày 18 tháng 12 về việc thanh toán tiền điện thoại kế toán viết phiếu chi 317( biểu số 2.16)

Kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.17) và Sổ chi tiết chi phí 642 (Biểu số 2.18) đồng thời ghi vào sổ cái TK 642 (Biểu số 2.19)

**Biểu số 2.15**

Mẫu số: 01-GTKT-2L-06 Theo CV số 8397/CT-AC Ngày 08/10/2005 của Cục thuế	
<b>HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)</b> <b>TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)</b>	
Liên 2: Giao khách hàng	Ký hiệu: <b>BH/2010T</b>
Quyển số: 61924	Số (No): <b>3096197</b>
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty Viễn thông Quân đội (Viettel Coporation)</b>	
Địa chỉ: Số 1 – Giang Văn Minh – Ba Đình – HN	
Điện thoại: 2 661800	
Mã số thuế: 02 00109106	Fax: 2 660446
Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH Thời Dự Địa chỉ: thôn Thủy Tú – xã Đường Thủy - huyện Thủy Nguyên - HP Mã số thuế: 02 00603830 Số thuê bao: 989 344 209      Mã khách hàng :...      Mã đại lý:..... Hình thức thanh toán: TM      Thời gian tính cước: T 11/10	
KHOẢN (ITEM)	Số Tiền(Amount) (VND)
<b>Cước dịch vụ thông tin di động (Vietel mobile service charges):</b>	
Cộng tiền (1) (Total):	113.575
Thuế suất GTGT: 10% x 1= Tiền thuế GTGT (2) (Value Add)	11.358
<b>Tổng cộng tiền thanh toán (3)= (1) + (2)</b>	<b>124.933</b>
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm hai tư ngàn chín trăm ba mươi ba đồng.</i>	
Ngày 18 tháng 12 năm 2010	
<b>Người nộp tiền</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Đại diện giao dịch</b> (Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.16**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Địa chỉ: thôn Thuỷ Tú-Đường Thuỷ-TN-HP

Mẫu số: 02-TT( Ban hành theo

QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

*Ngày 18 tháng 12 năm 2010*

*Quyển số:*

**Số :317**

Nợ TK 642 : 113.575

Nợ TK 133 : 11.358

Có TK 111: 124.933

Họ, tên người nhận tiền: Phạm Thị Phương

Địa chỉ: Công ty Viễn Thông Quân Đội

Lý do chi: Chi trả tiền điện thoại

Số tiền: 124.933 (Viết bằng chữ): Một trăm hai bốn nghìn chín trăm ba mươi ba đồng.

Kèm theo :..... Chứng từ kế toán: .....

*Ngày 18 tháng 12 năm 2010*

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người nhận**

**tiền**

(Ký, họ tên)

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.17**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03a – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thuỷ Tú-xã Đường Thuỷ-Thuỷ Nguyên-HP

2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				1.625.592.781	1.625.592.781
.....	.....	.....	.....				.....	.....
17/12	PC 316	17/12	Thanh toán tiền đặt báo quý I/2011 bằng TM			642	824.200	
						111		824.200
18/12	PC317	18/12	Thanh toán cước di động Viettel tháng 11/2010			642	113.575	
						133	11.358	
						111		124.933
20/12	PC 318	20/12	Nộp tiền vào TK GP Bank			112	500.000.000	
						111		500.000.000
20/12	PNK 55	20/12	Nhập xi măng từ cty TNHH Anh Thụ			152	17.425.000	
						331		17.425.000
.....	.....	.....	.....			.....	.....	.....
			Cộng				50.281.838.170	50.281.838.170

**NGƯỜI LẬP**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.18**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S38 – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm: 2010

NT ghi số	Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
				Số dư đầu kỳ			
.....	.....	.....	.....	.....	.....		
18/12	PC 317	18/12	Công ty viên thông viettel	Thanh toán cước di động tháng 11	111	113.575	
20/12	PC 319	20/12	Vũ Thị Phương	Thanh toán tiền đăng kiểm xe ô tô	111	145.455	
21/12	PC 320	21/12	Bùi Bích Ngọc	Thanh toán tiền photo + sửa chữa máy vi tính	111	1.318.182	
21/12	BN 12	21/12	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương	Phí quản lý tài khoản	112	11.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....		
				Cộng phát sinh		540.297.432	540.297.432
				Số dư cuối kỳ			

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.19**

Địa chỉ: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03b – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 642

Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đôi ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Sô dư đầu kỳ					
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
17/12	PC 316	17/12	Thanh toán tiền đặt báo quý I/2010 bằng TM			111	824.200	
18/12	PC 317	18/12	Thanh toán cước di động viettel tháng 11/2010			111	113.575	
20/12	PC 319	20/12	Thanh toán tiền đăng kiểm ô tô			111`	145.455	
21/12	PC 320	21/12	Thanh toán tiền photo, chữa máy vi tính			111	1.318.182	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng phát sinh				540.297.432	540.297.432
			Số dư cuối kỳ					

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)



### **2.2.5. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính**

#### **2.2.5.1. Đặc điểm doanh thu và chi phí hoạt động tài chính**

Vì số vốn ban đầu có hạn Công ty chỉ chú trọng vào việc sản xuất và xây dựng các công trình nên trong quá trình hoạt động Công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh... Công ty chỉ tranh thủ lúc vốn nhàn rỗi để gửi vào ngân hàng vì vậy phát sinh khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Ngoài ra, do Công ty cần có vốn để tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh nên đã vay vốn của các tổ chức tài chính. Vì vậy hoạt động tài chính trong năm chủ yếu chỉ phát sinh khoản thu tiền lãi, trả tiền lãi và các khoản phí chuyển khoản giao dịch.

#### **2.2.5.2. Quy trình hạch toán**

##### **✓ Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu chi, phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan...

##### **✓ Tài khoản sử dụng**

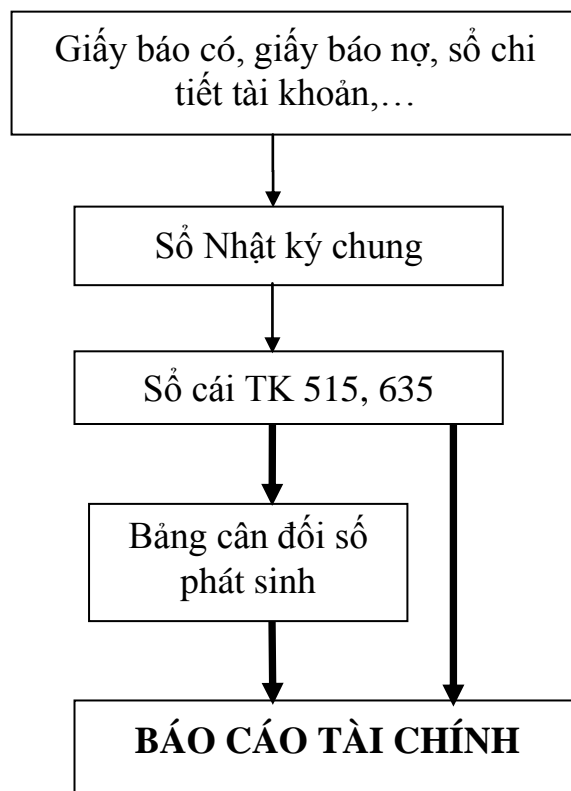
- Tài khoản 635: Chi phí tài chính
- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

##### **✓ Quy trình hạch toán**

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán có liên quan đến các khoản lãi ngân hàng được hưởng hay các khoản lãi tiền vay ngân hàng phải trả để ghi sổ Nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi sổ cái TK 515 và sổ cái TK 635

**Sơ đồ 2.9:**

**Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính**



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày: —————>
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: —————>

**Ví dụ 04:**

- Ngày 4 tháng 12 năm 2010 ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu GP.Bank gửi Phiếu báo nợ (Biểu số 2.20) thông báo thu lãi tiền vay tháng 11 là 10.052.778 đồng.

- Ngày 31 tháng 12 năm 2010 ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu GP.Bank gửi Phiếu báo có (Biểu số 2.21) thông báo công ty được hưởng 1 khoản lãi tiền gửi tại ngân hàng là 21.132 đồng. Số tiền lãi trên được chuyển vào số tiền gửi của Công ty tại ngân hàng.

Kế toán căn cứ vào các chứng từ trên tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.22) và Sổ chi tiết chi phí, doanh thu tài chính (Biểu số 2.23, 2.24)

đồng thời căn cứ vào đó để ghi vào Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.25 ) và Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.26 )

**Biểu số 2.20**

Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu  
GP. BANK – HP

Theo công văn số 15815/CT - AC  
Cục thuế TP Hà Nội

**PHIẾU BÁO NỢ**

Ngày 04 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: công ty TNHH Thời Dự

Số tài khoản: 105-001-00041597-7

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-Đường Thủy-  
Thủy Nguyên-HP

Loại tiền: VND

Mã số thuế: 0200603830

Loại tài khoản: tiền gửi thanh toán

G- Account: 10101194

Số bút toán hạch toán: FT 1018000045

GP- Bank xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lãi tiền gửi	10.052.778
<b>Tổng số tiền</b>	<b>10.052.778</b>

Số tiền bằng chữ: mười triệu không trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng chẵn.

Diễn giải: ngân hàng thu tiền lãi vay tháng 11/2010

Người lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Biểu số 2.21**

Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu  
GP. BANK – HP

Theo công văn số 15815/CT - AC  
Cục thuế TP Hà Nội

**PHIẾU BÁO CÁO**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: công ty TNHH Thời Dự

Số tài khoản: 105-001-00041597-7

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-Đường Thủy-  
Thủy Nguyên-HP

Loại tiền: VND

Mã số thuế: 0200603830

Loại tài khoản: tiền gửi thanh toán

G- Account: 10101194

Số bút toán hạch toán:

LD10200000031

GP- Bank xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lã tiền gửi	21.132
<b>Tổng số tiền</b>	<b>21.132</b>

Số tiền bằng chữ: Hai mươi một nghìn, một trăm ba mươi hai đồng chẵn.

Diễn giải: doanh nghiệp được hưởng số tiền lãi gửi tháng 12/2010

Người lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Biểu số 2.22**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03a – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				1.059.502.017	1.059.502.017
1/11	PNK 50	1/11	Nhập xi măng từ cty Anh Thụ			152	25.500.000	
						331		25.500.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
4/12	GBN 09	4/12	Chi phí lãi vay từ ngân hàng GP.Bank			635	10.052.778	
						112		10.052.778
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	GBC GP05	3/12	Nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng GP.Bank			112	21.132	
						515		21.132
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng				50.281.838.170	50.281.838.170

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.23**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S38 – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 635 – chi phí tài chính

Năm: 2010

NT ghi số	Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
				Số dư đầu kỳ			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
4/12	GBN 06	4/12	Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu	Trả tiền vay 700 tr ( số 0135/HĐTD )	11213	10.052.778	
4/12	GBN 07	4/12	Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu	Trả tiền vay 400 tr ( số 0136/ HĐTD )	11213	5.744.444	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
20/12	UNC GP		Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu	Trả lãi vay ngắn hạn (500tr, ngày 12/11/2010)	11213	9.305.556	
31/12		31/12		Kết chuyển chi phí lãi vay → 911	911		121.697.223
				Cộng		121.697.223	121.697.223
				Số dư cuối kỳ			

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.24**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S38 – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 515 – doanh thu hoạt động tài chính

Năm: 2010

NT ghi số	Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
				Số dư đầu kỳ			
.....	.....	.....	.....	.....	.....		
31/12	GBC 03	31/12	Ngân hàng cổ phần thương mại ngoại thương – CN Hải Phòng	Thu tiền lãi gửi T12/2010	11213		84.218
31/12	BC GP04	31/12	Ngân hàng TMCP GP.Bank	Thu tiền lãi gửi tháng 12/2010	11213		21.132
31/12		31/12		Kết chuyển thu nhập tài chính → 911	911	5.504.810	
				Cộng phát sinh		5.504.810	5.504.810
				Số dư cuối kỳ			

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.25**

Địa chỉ: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03b – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 635

Tên TK: Chi phí tài chính

Năm 2010

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
4/12	GBN 06	4/12	Trả tiền vay ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu			112	10.052.778	
4/12	GBN 07	4/12	Trả tiền vay ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu			112	5.744.444	
18/12	GBN 08	18/12	Trả tiền vay ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu			112	7.048.611	
20/12	UNC GP	20/12	Trả tiền vay ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu			112	9.305.556	
31/12		31/12	Kết chuyển chi phí lãi vay → 911			911		121.697.223
			Cộng phát sinh				121.697.223	121.697.223
			Số dư cuối kỳ					

**NGƯỜI LẬP**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 2.26**

Địa chỉ: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03b – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 515

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đôi ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Sô dư đầu kỳ					
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	GBC 03	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng CPTM Ngoại Thương – CN Hải Phòng			112		84.218
31/12	GBC 04	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu GP.Bank			112		21.132
31/12		31/12	Kết chuyển thu nhập tài chính → 911			911	5.504.810	
			Cộng phát sinh				5.504.810	5.504.810
			Số dư cuối kỳ					

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

### **2.2.6. Kế toán thu nhập khác**

#### **2.2.6.1. Đặc điểm thu nhập khác tại doanh nghiệp**

Thu nhập khác tại Công ty TNHH Thời Dữ chủ yếu là từ các hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

#### **2.2.6.2. Quy trình hạch toán**

##### **✓ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản bàn giao tài sản cố định
- Phiếu thu

##### **✓ Tài khoản sử dụng**

- TK 711
- Các tài khoản khác có liên quan

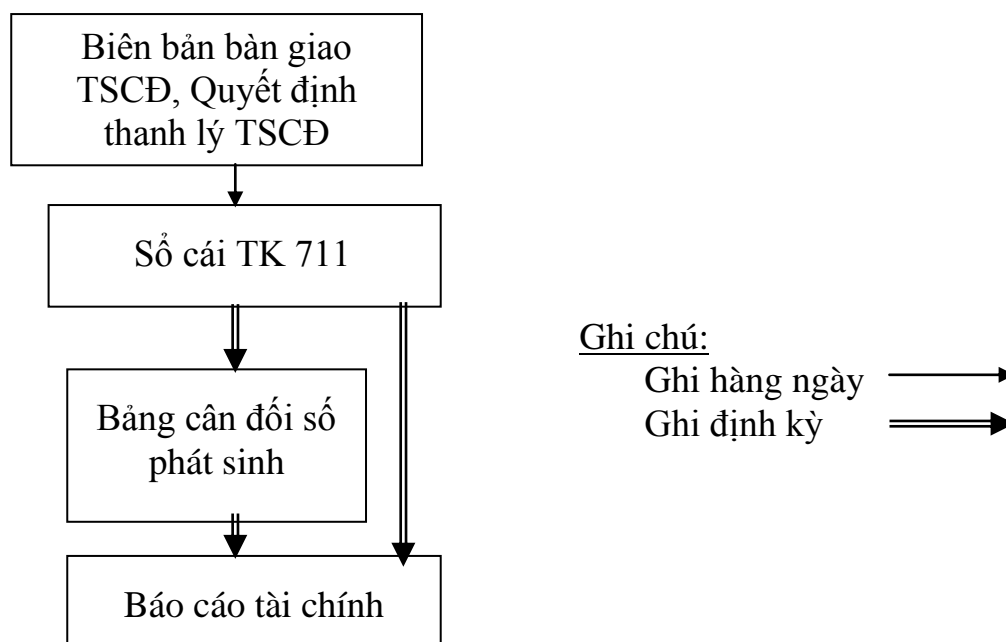
##### **✓ Quy trình hạch toán**

Hàng ngày, khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ vào các chứng từ gốc như quyết định thanh lý tài sản cố định và biên bản bàn giao tài sản cố định, Hóa đơn GTGT, phiếu thu... kế toán vào sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết TK 711, Sổ cái TK 711 và các sổ khác có liên quan.

Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác khóa sổ kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, lập Báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 2.10: Quy trình ghi sổ kế toán thu nhập khác**



*Trong năm 2010, Công ty không phát sinh khoản thu nhập khác*

**2.2.7. Kế toán chi phí khác**

**2.2.7.1. Đặc điểm chi phí khác tại công ty**

Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí tại Công ty rất ít, chủ yếu là nghiệp vụ liên quan đến phí quản lý tài khoản tại ngân hàng, chi các khoản tiền đi đòi nợ khách hàng,.....

**2.2.7.2. Quy trình hạch toán**

✓ **Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan....

✓ **Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 811 và các tài khoản khác có liên quan

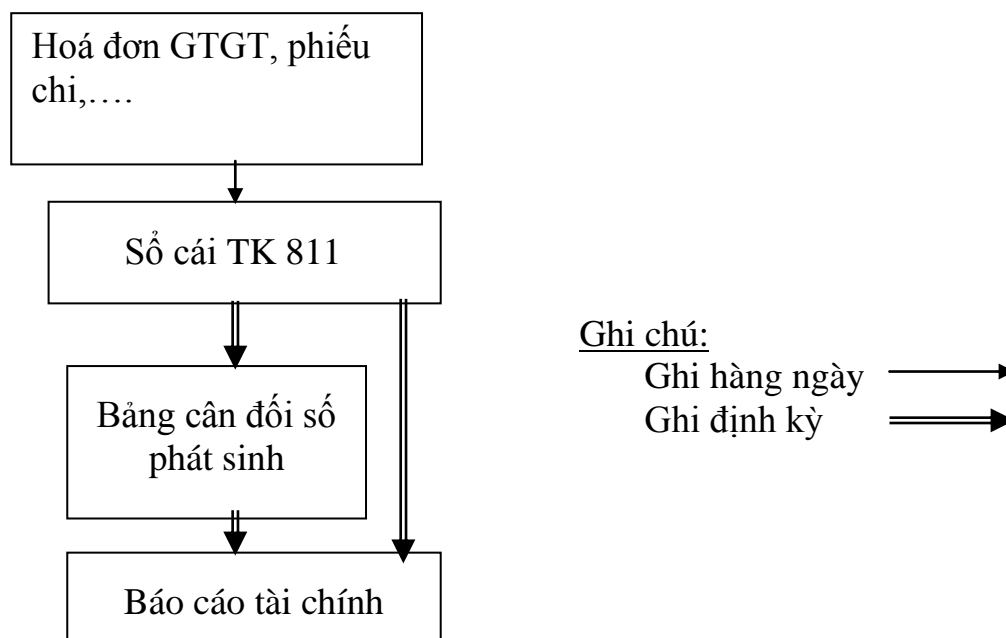
✓ **Quy trình hạch toán**

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ phát sinh kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào Sổ cái TK 811 và các sổ khác có liên quan.

Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác khóa sổ kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, lập Báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 2.10: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí khác**



**Ví dụ 05:**

Ngày 25/10/2010, công ty cử nhân viên Vũ Văn Phong đi đòi nợ Công ty Hảo Cường, chi phí xăng xe là 200.000 đồng chi bằng tiền mặt.

Căn cứ vào phiếu chi (Biểu số 2.27) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.28), căn cứ vào đó để ghi Sổ cái TK 811 (Biểu số 2.29).

**Biểu số 2.27**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số: 02-TT( Ban hành theo

Địa chỉ: thôn Thuỷ Tú-Đường Thuỷ-TN-HP

QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

*Quyển số:*

*Ngày 25 tháng 10 năm 2010*

**Số :213**

Nợ TK 811 : 200.000

Có TK 111: 200.000

Họ, tên người nhận tiền: Vũ Văn Phong

Địa chỉ: công ty

Lý do chi: Chi trả tiền xăng xe đòi nợ Công ty Hoa Cường

Số tiền: 200.000 (Viết bằng chữ): hai trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo :..... Chứng từ kế toán: .....

*Ngày 25 tháng 10 năm 2010*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người nhận**

**Người lập phiếu**

**Thủ quỹ**

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

**tiền**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.28**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03a – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				1.059.502.017	1.059.502.017
24/10	PC 212	24/10	Mua dầu Diezel phục vụ sx			152	269.092	
						133	25.909	
						331		295.001
25/10	PC 213	25/10	Thanh toán tiền xăng đi đòi nợ cty Hoa Cường			811	200.000	
						111		200.000
25/10	PC 214	25/10	Thanh toán tiền cước điện thoại cố định tháng 9/2010			642	996.504	
						133	99.650	
						111		1.096.154
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng				50.281.838.170	50.281.838.170

**NGƯỜI LẬP**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.29**

Địa chỉ: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03b – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 811

Tên TK: chi phí khác

Năm 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đôi ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Sô dư đầu kỳ					
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
9/10	BN NT	9/10	Trả phí quản lý tài khoản tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương			112	11.000	
25/10	PC 213	25/10	Thanh toán tiền xăng đi đòi nợ cty Hoa Cường			111	200.000	
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12		31/12	Kết chuyển thu nhập tài chính → 911			911		765.314
			Cộng phát sinh				765.314	765.314
			Số dư cuối kỳ					

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### 2.2.8.1. Đặc điểm xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Cũng như hầu hết các doanh nghiệp khác, việc xác định kết quả kinh doanh của Công ty thực hiện vào cuối năm.

#### 2.2.8.2. Quy trình hạch toán

✓ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán, Bút toán kết chuyển

✓ **Tài khoản sử dụng**

- TK 911
- Các tài khác có liên quan.

✓ **Quy trình hạch toán**

Cuối năm, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có TK 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính sang bên Nợ TK 911.

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Có 911} - \text{Nợ 911}$$

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì chúng ta trong năm doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp Nhà nước như sau:

- Xác định thu nhập chịu thuế = SPS bên Có TK 911 – SPS bên Nợ TK 911
- Thuế TNDN phải nộp = thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN

Định khoản:

- Tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp:

Nợ TK 821

Có TK 3334

- Doanh nghiệp tiến hành kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Nợ TK 911

Có TK 821



Khi xác định được số thuế thu nhập phải nộp, Kế toán xác định lãi ( lợi nhuận chưa phân phối ) của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421

Lợi nhuận chưa phân phối = kết quả kinh doanh trước thuế - thuế TNDN

Nợ TK 911

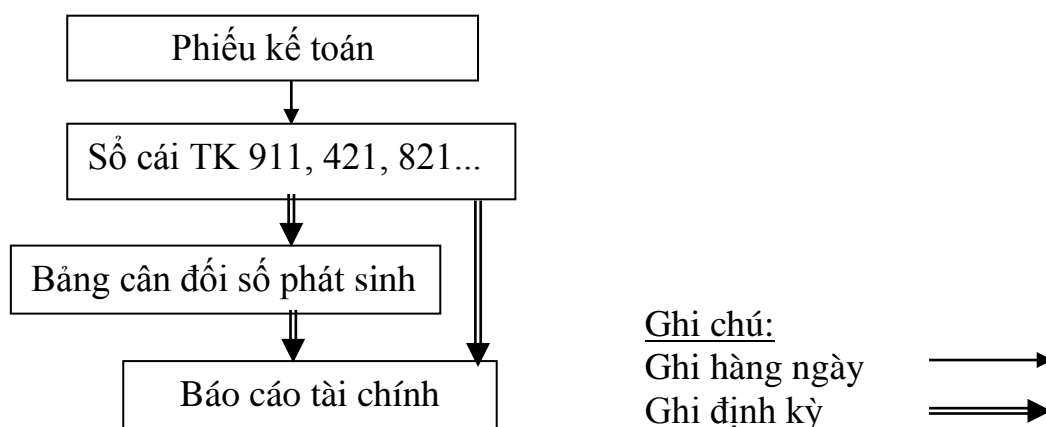
Có TK 421

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421:

Nợ TK 421

Có TK 911

**Sơ đồ 2.11: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh**



**Ví dụ 06:**

Cuối tháng 12 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

- Tổng số phát sinh bên Có TK 911:

+ KC doanh thu thuần:	20.229.297.141
+ KC doanh thu hoạt động tài chính:	5.504.810
<b>Tổng:</b>	<b>20.234.801.951</b>

- Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911:

+ KC giá vốn hàng bán:	19.463.907.436
+ KC chi phí tài chính:	121.697.223
+ KC chi phí quản lý doanh nghiệp:	540.297.432
+ KC chi phí khác:	765.314

**Tổng: 20.126.667.405**

- Thu nhập chịu thuế = 20.234.801.951 - 20.126.667.405 = 108.134.546

- Thuế TNDN phải nộp = 108.134.546 x 25% = 27.033.637

Vậy trong năm 2010 doanh nghiệp lãi = 108.134.546 - 27.033.637 = 81.100.909

Dựa vào các kết quả tính được kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển doanh thu và chi phí để làm căn cứ ghi sổ.

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 76

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK 511	511	911	20.229.297.141
	Tổng cộng			20.229.297.141

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**NGƯỜI LẬP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 77

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK 515	515	911	5.504.810
	Tổng cộng			5.504.810

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**NGƯỜI LẬP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 78

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK 811	911	811	765.314
	Tổng cộng			765.314

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**NGƯỜI LẬP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 79

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK 632	911	632	19.463.907.436
	Tổng cộng			19.463.907.436

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**NGƯỜI LẬP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 80

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển 642	911	642	540.297.432
	Tổng cộng			540.297.432

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**NGƯỜI LẬP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 81

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK 635	911	635	121.697.223
	Tổng cộng			121.697.223

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**NGƯỜI LẬP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 82

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Tính thuế TNDN	821	3334	27.033.637
	Tổng cộng			27.033.637

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**NGƯỜI LẬP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 83

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK 821	911	821	27.033.637
	Tổng cộng			27.033.637

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**NGƯỜI LẬP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 84

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK 421	911	421	81.100.909
	Tổng cộng			81.100.909

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**NGƯỜI LẬP**

**Biểu số 2.30**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03a – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				39.059.502.917	39.059.502.917
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 76	31/12	Kết chuyển TK 511			511	20.229.297.141	
						911		20.229.297.141
31/12	PKT 77	31/12	Kết chuyển TK 515			515	5.504.810	
						911		5.504.810
31/12	PKT 78	31/12	Kết chuyển TK 811			911	765.314	
						811		765.314
31/12	PKT 79	31/12	Kết chuyển TK 632			911	19.463.907.436	
						632		19.463.907.436
31/12	PKT 80	31/12	Kết chuyển TK 642			911	540.297.432	
						642		540.297.432
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển TK 635			911	121.697.223	
						635		121.697.223

31/12	PKT 82	31/12	Tính thuế TNDN			821	27.033.637	
						3334		27.033.637
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển TK 821			911	27.033.637	
						821		27.033.637
31/12	PKT 84	31/12	Kết chuyển TK 421			911	81.100.909	
						421		81.100.909
			Cộng				50.281.838.170	50.281.838.170

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.31**

Địa chỉ: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03b – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2010

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
31/12	PKT 76	31/12	Kết chuyển TK 511			511		20.229.297.141
31/12	PKT 77	31/12	Kết chuyển TK 515			515		5.504.810
31/12	PKT 78	31/12	Kết chuyển TK 811			811	765.314	
31/12	PKT 79	31/12	Kết chuyển TK 632			632	19.463.907.436	
31/12	PKT 80	31/12	Kết chuyển TK 642			642	540.297.432	
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển TK 635			635	121.697.223	
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển TK 821			821	27.033.637	
31/12	PKT 84	31/12	Kết chuyển TK 421			421	81.100.909	
			Cộng phát sinh				20.234.801.951	20.234.801.951
			Số dư cuối kỳ					

**NGƯỜI LẬP**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 2.32**

Địa chỉ: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03b – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 821

Tên TK: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2010

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Sô dư đầu kỳ					
31/12	PKT 82	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp bổ sung năm 2010			3334	27.033.637	
31/12	PKT 84	31/12	Kết chuyển chi phí nộp thuế TNDN			911		27.033.637
			Cộng phát sinh				27.033.637	27.033.637
			<b>Số dư cuối kỳ</b>					

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.33**

Địa chỉ: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03b – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/Q Đ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 421

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2010

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					72.437.482
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển lãi năm 2010			911		81.100.909
			Cộng phát sinh					81.100.909
			<b>Số dư cuối kỳ</b>					<b>153.538.391</b>

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

### **CHƯƠNG III**

## **MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC**

### **KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ**

#### **KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THỜI DỤ**

#### **3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Trong cơ chế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải lập ra được kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của mình. Muốn vậy, trước hết Công ty phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Vì kế toán là một bộ máy quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Quá trình hoàn thiện này sẽ giúp cho việc tổ chức và luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo các thông tin trên báo cáo tài chính là chính xác và hợp lý. Việc lập các báo cáo tài chính sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như: nhà quản lý, nhà đầu tư, cơ quan thuế... một cách chính xác và cụ thể.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo những nguyên tắc:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán áp dụng, chế độ, chuẩn mực kế toán do nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt để phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.
- Các thông tin, số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh kịp thời, khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh.

- Hoàn thiện trên cơ sở hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm chi phí, thời gian nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả công việc.

### **3.2. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thời Dự**

#### **3.2.1. Ưu điểm**

##### **❖ Về tổ chức bộ máy kế toán**

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, Công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ kế toán viên. Do đó công việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn. Sau khi đã có số liệu tổng hợp do nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tổng hợp số liệu và tính kết quả hoạt động cuối cùng của doanh nghiệp.

Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nguyên tắc phân công phân nhiệm, nguyên tắc phê chuẩn ủy quyền. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn từng người. Phần lớn nhân viên kế toán là những người đã gắn bó với công ty từ những ngày đầu thành lập, tuân thủ các quy trình kế toán do công ty thiết lập, am hiểu chế độ, chính sách kế toán và có tinh thần cầu tiến, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.

##### **❖ Về việc vận dụng hệ thống tài khoản**

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung. Đồng thời, kế

toán cũng chi tiết thêm các tiểu khoản phù hợp với yêu cầu quản lý của từng đối tượng.

❖ ***Về hệ thống sổ sách kế toán***

Hệ thống sổ kế toán tại Công ty có ưu điểm là đơn giản, gọn nhẹ. Kế toán áp dụng hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, dễ vận dụng, phù hợp với trình độ năng lực và yêu cầu quản lý của Công ty. Sổ sách kế toán được cất giữ và bảo quản cẩn thận qua từng năm.

❖ ***Về hệ thống chứng từ***

Chứng từ kế toán của công ty được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng cứ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

❖ ***Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại Công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình

hình kinh doanh của Công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của Công ty.

### **3.2.2. Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm, kế toán còn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học, cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ, từ đó có các biện pháp thiết thực nhằm cung cấp hoàn thiện hơn nữa giúp cho việc cung cấp thông tin được đầy đủ, giúp cho ban lãnh đạo đưa ra được những quyết định về hoạt động quản lý, hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Cụ thể:

#### **❖ Về tổ chức bộ máy kế toán**

Do bộ máy kế toán còn đơn giản trong khi đó khối lượng công việc lại nhiều, trong khi đó Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán nên có thể ảnh hưởng đến tính chính xác, kịp thời số liệu cho người quản lý.

#### **❖ Về hệ chứng từ sổ sách**

Công ty không sử dụng nhật ký đặc biệt như nhật ký bán hàng, nhật ký thu tiền...mà tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được hạch toán vào sổ nhật ký chung. Do đó sẽ dẫn đến tình trạng là số liệu trên sổ nhật ký chung sẽ dày đặc, khó theo dõi, đặc biệt là khó theo dõi được tình hình tiêu thụ của Công ty.

#### **❖ Về quy trình luân chuyển chứng từ**

Chứng từ kế toán rất quan trọng đối với công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì thế, Công ty đã xây dựng được quy trình luân chuyển chứng từ đối với phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Theo quy trình này, thủ kho phải lập bảng kê hóa đơn thực xuất trong ngày dựa trên số lượng thực tế đã xuất của mỗi hóa đơn và chuyển cho kế toán. Mặc dù có quy trình rõ ràng nhưng do chưa có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ nên việc lập bảng kê hóa đơn thực xuất trong ngày của Công ty chưa kịp thời, nhanh gọn. Bảng kê hóa đơn thực xuất được chuyển lên phòng kế toán thường bị chậm, có khi thủ kho để dồn đến cuối tháng mới chuyển cho phòng kế toán nên vào cuối tháng lượng công việc của kế toán là rất nhiều, dễ xảy ra

nhằm lẫn. Bên cạnh đó giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

❖ **Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Về việc hạch toán chi phí: kế toán công ty hạch toán một số khoản chi chi phí đặc biệt là chi khác bằng tiền mặt không rõ ràng sẽ gây ra khó khăn cho quá trình quản lý và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

- Khi doanh nghiệp mua tài sản với giá trị lớn nhưng lại không phân bổ đều hàng tháng mà lại tính luôn vào chi phí, việc làm này sẽ làm chi phí tăng cao, ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả kinh doanh.

**3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thời Dự**

**3.3.1. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thời Dự.**

Dựa trên những mặt hạn chế đã nêu ra và thông qua những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thời Dự như sau:

Ý kiến 1:

Hiện nay có rất nhiều các phần mềm kế toán khác nhau như MISA, VACOM, SAS INNOVA..... Việc hạch toán các sổ sách kế toán của Công ty vẫn được tiến hành theo phương pháp thủ công. Do vậy Công ty nên sử dụng một phần mềm kế toán. Điều này giúp cho việc hạch toán kế toán được đơn giản, gọn nhẹ, nhanh chóng, chính xác, làm giảm khối lượng công việc của các nhân viên trong phòng kế toán, tạo được hiệu quả cao trong công tác quản lý, thuận tiện cho quá trình lưu trữ và bảo quản dữ liệu kế toán.

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán .

Ý kiến 2:

Công ty nên sử dụng thêm một số sổ nhật ký đặc biệt như nhật ký bán hàng, nhật ký thu tiền,...để tiện cho quá trình theo dõi và kiểm tra.

**Ví dụ 3.1:** ( Lấy tiếp nghiệp vụ phát sinh ở ví dụ 01 )

Căn cứ vào HĐ GTGT 8045, kế toán vào Sổ nhật ký bán hàng ( Biểu số 3.2)

Căn cứ vào GBC của ngân hàng GP.Bank, kế toán ghi sổ nhật ký thu tiền (Biểu số 3.1)



**Biểu số 3.1**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03a2 – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thuỷ Tú-xã Đường Thuỷ-Thuỷ Nguyên-HP

2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN**

Năm : 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 112	Ghi có các TK		
	SH	NT			131	111	.....
			Số trang trước chuyển sang				
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
20/6	BC GP01	20/6	Công ty ô tô Hoa Mai tạm ứng	50.000.000	50.000.000		
29/7	BC VC	29/7	Trường Nguyễn Đình Chiểu thanh toán	84.218.000	84.218.000		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
27/12	BC GP10	27/12	Đem tiền mặt đi gửi ngân hàng	10.000.000		10.000.000	
			Cộng				

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 3.2**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S03a4 – DN (Ban hành theo QĐ số 15/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG**

Năm : 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua (ghi nợ)	Ghi có tài khoản doanh thu		
	SH	NT			Hàng hóa	Thành phẩm	Dịch vụ
			Số trang trước chuyển sang				
....	.....	....	.....	.....	.....	.....	.....
25/6	HĐ 8045	25/6	Bán gạch cho Công ty ô tô Hoa Mai	154.170.000		154.170.000	
29/6	HĐ 8076	29/6	Bán gạch cho cty đầu tư TM XD Khang	270.060.000		270.060.000	
....	.....	....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng chuyển sang trang sau				

**NGƯỜI LẬP**

(ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(ký, họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Ý kiến 3:**

Công ty nên lập sổ tiền gửi ngân hàng theo đúng mẫu để tiện theo dõi thay vì lập mẫu như sổ quỹ.

**Biểu số 3.3:**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S08-DN ( Ban hành

Địa chỉ: Thôn Thuỷ tú-xã Đường

theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Thuỷ-Thuỷ Nguyên-Hp

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

Nơi mở tài khoản giao dịch: ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 105-001-00041597-7

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền		
	SH	NT			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra )	Còn lại
			Dư Đkỳ				550.665.372
....	....	....	.....	....	....	.....	.....
20/ 6	BC 01	20/ 6	Cty ô tô Hoa Mai tạm ứng		50.000.000		440.665.372
13/ 10	BN 03	13/ 10	Rút tiền vay ngân hang GP Bank			200.000.000	240.665.372
....	....	....	.....	....	....	.....	.....
			Cộng PS		20.970.190.370	21.450.000.000	
			Dư c kỳ				70.856.102

Ngày.....tháng.....năm 2010

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

( ký, họ tên )

( ký, họ tên )

( ký, họ tên, đóng dấu )

**Ý kiến 4:**

Công ty cần quy định cụ thể thời gian chuyển Bảng kê hóa đơn thực xuất trong ngày từ thủ kho cho nhân viên kế toán doanh thu chậm nhất vào sáng ngày hôm sau để nhân viên kế toán có thể ghi nhận doanh thu kịp thời, giảm khối lượng công việc vào cuối mỗi tháng.

**Ý kiến 5:**

Để thuận tiện hơn cho quá trình quản lý kế toán nên lập thêm một sổ mẫu số sau:

- Khi lập sổ chi tiết bán hàng Công ty có thể xác định được doanh thu, giá vốn và lợi nhuận từng mặt hàng. Từ đó xác định mặt hàng chủ lực cần đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ; mặt hàng nào cần có biện pháp để tăng lợi nhuận hoặc ngừng sản xuất.
- Lập bảng tổng hợp doanh thu bán hàng để tiện cho công tác quản lý.
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh nhằm xác định rõ từng khoản mục trong chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Xem xét và tìm nguyên nhân gây ra biến động lớn của các khoản mục chi phí so với cùng kì năm trước hoặc so với kì trước đó đồng thời xác định hiệu quả kinh tế mang lại do chi các khoản này để có biện pháp tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

**Ví dụ 3.2:** (lấy tiếp ví dụ 01 )

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 8045, kế toán lập thêm sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 3.4 ) sau đó vào bảng tổng hợp doanh thu ( Biểu số 3.5) để tiện theo dõi.

**Ví dụ 3.3:**

Ngày 2/11 công ty chi tiền thanh toán tiền thuê máy pô tô cho bộ phận quản lý doanh nghiệp. Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh và PC 219 kế toán vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh ( Biểu số 3.6).

**Biểu số 3.4**

Địa chỉ: Công ty TNHH An Cư

Địa chỉ: thôn Thuỷ Tú – xã Đường Thuỷ - Thuỷ Nguyên – HP

**Mẫu số: S19-SKT/DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006 – BTC

ngày 26 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài Chính

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm: gạch BLB 800

Năm: 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác( 521 531, 532)
25/6	HD8045	25/6	Bán gạch cho cty TNHH ô tô Hoa Mai	131	2.700	10.300	27.810.000		
					13.000	9.720	126.360.000		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>				15.229.297.141		
			<i>Doanh thu thuần</i>						
			<i>Giá vốn hàng bán</i>						
			<i>Lãi gộp</i>						

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 3.5**

Đơn vị: Công ty TNHH Thời Dự

Địa chỉ: thôn Thuỷ Tú – xã Đường Thuỷ - Thuỷ Nguyên – HP

**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG**

Năm: 2010

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số tiền
1	Gạch BLB 800	viên	15.229.297.141
2	Gạch BLB 1000	viên	504.789.734
...	.....	.....	.....
	<b>Tổng cộng</b>		<b>20.229.297.141</b>

Ngày.....tháng.....năm....

**Người lập phiếu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Biểu số 3.6.**

Địa chỉ: Công ty TNHH Thời Dự

Mẫu số S36-DN ( Ban hành theo QĐ số 15/2006/

Địa chỉ: Thôn Thủy Tú-xã Đường Thủy-Thủy Nguyên-HP

QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC )

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 6427

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ tài khoản						
	SH	NT			Tổng Số	Chia ra					
						NV quản lý	Dụng cụ đồ dùng vp	Khấu hao TSCĐ	Thuế, phí, lệ phí	DV mua ngoài	Chi phí khác
			Số dư đầu kỳ								
....	....	....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
2/11	PC 219	2/11	Thanh toán tiền thuê máy poto	111	1.718.182					1.718.182	
5/11	PC 300	5/11	Thanh toán tiền cước di động	111	827.489					827.489	
....	....	....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng								
			Số dư cuối kỳ								

Ngày....tháng....năm 2010

Người lập phiếu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý kiến 6:

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu, thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên các BCTC của năm báo cáo.

➤ **Phương pháp xác định:**

✓ *Cách 1:* Có thể ước tính một tỉ lệ nhất định (theo kinh nghiệm ) trên tổng doanh số bán chịu:

**Số dự phòng phải lập = Doanh số phải thu x Tỉ lệ ước tính**

✓ *Cách 2:* Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kẻ cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

**Dự phòng phải thu khó đòi cần lập = Nợ phải thu khó đòi x Số % có khả năng mất**

➤ **Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi:**

✓ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

✓ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

➤ **Mức trích lập:** (theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009)

✓ Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.



- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

➤ **Tài khoản sử dụng: TK 139**

*Phương pháp hạch toán:*

✓ Cuối năm, xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán phân chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 642:

Có TK 139:

✓ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139:

Có TK 642:

✓ Xóa nợ:

Nợ TK 139: (nếu đã trích lập dự phòng )

Nợ TK 642: (nếu chưa lập dự phòng )

Có TK 131:

Có TK 138:

Đồng thời ghi Nợ TK 004

✓ Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711

Ý kiến 7:

Công ty nên áp dụng một số biện pháp khuyến mãi như chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán khi khách hàng mua với khối lượng lớn, thanh toán tiền nhanh nhằm giữ được khách hàng.

Với chính sách chiết khấu, giảm giá nhằm khuyến khích khách hàng Công ty nên thêm tài khoản 521, 531, 532.

**Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại:** Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

Khi doanh nghiệp thực hiện chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với khối lượng lớn, căn cứ vào hóa đơn bán hàng và các chứng từ liên quan khác, kế toán ghi:

Nợ TK 521 – Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Có TK 111, 112, 131,...

**Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán:** Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá ghi trong Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ.

Trường hợp hàng hóa bán giảm giá cho người mua, khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua, kế toán ghi:

Nợ TK 532 – Giảm giá hàng bán

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (Số thuế GTGT của hàng bán bị giảm giá)

Có TK 111, 112, 131,...

Ngoài ra, trong trường hợp khách hàng trả lại hàng, kế toán mở thêm **Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại:** Phản ánh trị giá bán của số hàng hóa đã bán bị khách hàng trả lại.

Khi doanh nghiệp nhận lại sản phẩm, hàng hóa bị trả lại, hạch toán trị giá vốn của hàng bán bị trả lại, ghi:

Nợ TK 154, 156,...

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán

Thanh toán với người mua hàng về số tiền của hàng bán bị trả lại:

Nợ TK 531 – Hàng bán bị trả lại

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại )

Có TK 111, 112, 131,...

\*Hiệu quả việc hoàn thiện:

Với các biện pháp khuyến mãi này có thể Công ty không chỉ giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai. Vì có sự ưu đãi của Công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường. Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện, đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho Công ty, đáp ứng yêu cầu của kế toán tiêu thụ.

### **3.3.2. Một số giải pháp khác**

- Công ty nên tuyển chọn thêm những nhân viên kế toán có trình độ để giảm khối lượng công việc hiện tại cho kế toán trưởng.
- Tạo điều kiện quan tâm hơn nữa để cán bộ kế toán được tham gia các lớp bồi dưỡng, cập nhật những thay đổi theo chế độ hiện hành nhằm giúp quá trình tiếp cận và vận dụng được dễ dàng và thuận tiện hơn.
- Công ty cũng nên quan tâm công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề chất lượng sản phẩm là mục tiêu quan trọng nhất, quyết định sự tồn tại của sản phẩm trên thị trường. Do đó, đòi hỏi công ty phải có đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật có trình độ cao để có thể đảm nhiệm công tác kiểm tra trước khi đưa sản phẩm ra thị trường.

## KẾT LUẬN

Ngày nay trong nền kinh tế thị trường, doanh thu và kết quả sản xuất kinh doanh cuối cùng có ý nghĩa sống còn đối với mọi doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để kết quả sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng tăng và được theo dõi một cách chặt chẽ, hợp lý nhất.

Qua thời gian nghiên cứu đề tài, em đã khái quát được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, trên cơ sở đó tiếp tục nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thời Dự em đã thu được một số kết quả sau:

**Về mặt lý luận:** Đã nêu được các lý luận cơ bản về doanh thu, xác định kết quả kinh doanh và công tác kế toán doanh thu, kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

**Về mặt thực tiễn:** Bài khoá luận đã phản ánh đầy đủ, trung thực công tác hạch toán kế toán doanh thu và kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Thời Dự với số liệu chứng minh của năm 2010.

**Về kiến nghị, đề xuất:** Đối chiếu, áp dụng lý luận vào thực tiễn của công ty, khoá luận đã đề ra một số kiến nghị góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, các kiến nghị đều rất sát với thực tế và đều dựa trên chế độ chính sách của nhà nước nên đều có tính khả thi. Tuy nhiên do kinh nghiệm thực tế của bản thân em chưa nhiều nên có những giải pháp sẽ có thể được Công ty áp dụng, có những giải pháp chỉ mang tính tham khảo.

Do thời gian thực tế chưa nhiều và trình độ chuyên môn còn hạn chế nên bài khoá luận không tránh khỏi những khiếm khuyết. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô, các cô chú trong Công ty và các bạn.

Em xin gửi lời cảm ơn tới cô chú, anh chị trong công ty và cô giáo Th.s Trần Thị Thanh Thảo đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận này. Em cũng gửi lời biết ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo trường Đại học Dân Lập Hải

Phòng, đặc biệt là các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh đã tận tình dạy dỗ, chỉ bảo chúng em trong suốt quá trình học tập.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

Hải Phòng, tháng 06 năm 2011

Sinh viên

**LÊ THỊ HƯƠNG**

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- 1, Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, quyển 2 ) ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính \_Nhà xuất bản Tài chính năm 2006.
- 2, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- 3, Khóa luận các khóa 9, 10 tại thư viện trường.
- 4, Chuẩn mực kế toán Việt Nam – *websise :www. google.com*  
*websise. Ketoanvietnam.com*
- 5, Tài liệu và các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2010 của Công ty TNHH Thời Dự.